

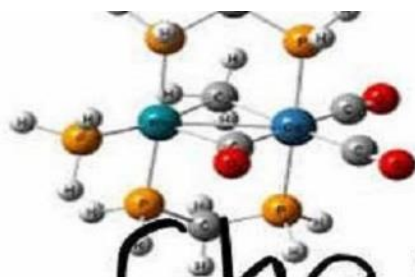
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO - KIỂM ĐỊNH - ĐO KIỂM MÔI TRƯỜNG



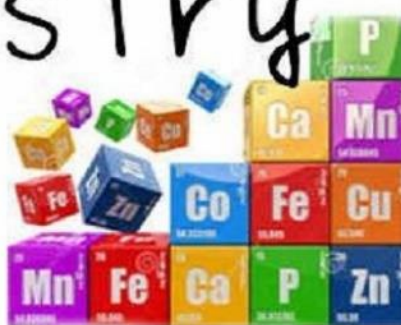
**TÀI LIỆU HUẤN LUYỆN
AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

AN TOÀN HÓA CHẤT

Nghị định 25/2026/NĐ-CP



Chemistry



TÀI LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT THEO NGHỊ ĐỊNH 25

NHÓM 1



MỤC LỤC

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT.....	2
PHẦN II: CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT CỦA CƠ SỞ.....	57
1. Dự báo các điểm nguy cơ	57
2. Những mối nguy về sức khỏe.....	57
3. Những mối nguy về thuộc tính	60
4. Hóa chất xâm nhập vào cơ thể.....	61
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN PHỐI HỢP VỚI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ĐỂ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI CỦA CƠ SỞ ĐỂ ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ.....	66
1. Kế hoạch phối hợp hành động khi xảy ra sự cố hóa chất.....	66
2. Phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài để ứng phó sự cố hóa chất.....	66
3. Khắc phục sự cố hóa chất	72
4. Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó đối với các tình huống đã dự báo.....	73
PHẦN IV: KIỂM TRA KẾT THÚC KHÓA HUẤN LUYỆN	81

PHẦN I

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Căn cứ thực hiện

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 06 năm 2025.
- Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định các danh mục ma túy và tiền chất.
- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công thương Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công thương Quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất
- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Chính phủ quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa.
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hoá học.

- Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 Về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

- Thông tư số 19/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024 ban hành Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

- Thông tư số 10/2019/TT-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 03 : 2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Thông tư số 09/2025/TT-BYT ngày 28 tháng 4 năm 2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 01 : 2025/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- Việc phân loại hóa chất tuân theo Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS-Phiên bản số 7).

- Và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 06 năm 2025.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hóa chất, quản lý hoạt động hóa chất; phát triển ngành công nghiệp hóa chất; thông tin hóa chất; hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hóa chất* là chất, hỗn hợp chất tự nhiên hoặc được con người khai thác, tạo ra.
2. *Chất* là đơn chất, hợp chất bao gồm cả tạp chất sinh ra trong quá trình chế biến; những phụ gia cần thiết để bảo đảm đặc tính lý, hóa ổn định; không bao gồm dung môi mà khi tách ra thì tính chất của chất đó không thay đổi.
3. *Hỗn hợp chất* là tập hợp của hai chất hoặc nhiều chất mà giữa chúng không xảy ra phản ứng hóa học trong điều kiện bình thường.
4. *Hóa chất nguy hiểm* là hóa chất gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường và có ít nhất một đặc tính nguy hiểm theo nguyên tắc phân loại do Thủ trưởng cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất) quy định.
5. *Chất độc* là hóa chất mà thông qua tác động hóa học của nó lên các quá trình sống có thể gây tử vong, mất năng lực tạm thời hoặc gây tổn thương vĩnh viễn cho con người, theo các tiêu chí cụ thể do Chính phủ quy định.
6. *Sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm* là sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện sử dụng hợp lý và đúng mục đích vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường do thành phần hóa học trong sản phẩm, hàng hóa.
7. *Hóa chất cơ bản* là hóa chất được sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia, dung môi trong quá trình sản xuất hóa chất khác hoặc trong quá trình sản xuất của các ngành kinh tế.
8. *Sản phẩm hóa dầu* là sản phẩm hóa chất của quá trình lọc dầu, chế biến dầu mỏ, khí tự nhiên, khí dầu mỏ, than đá hoặc sản phẩm được tạo ra thông qua phản ứng hóa học từ nguồn nguyên liệu là sản phẩm của quá trình lọc dầu, chế biến dầu mỏ, khí tự nhiên, khí dầu mỏ, than đá. Sản phẩm hóa dầu không bao gồm sản phẩm được sử dụng làm nhiên liệu hoặc để tạo ra năng lượng.

9. *Sản phẩm hóa được* là hóa chất được sử dụng làm nguyên liệu làm thuốc và nguyên liệu làm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, được tạo ra từ quá trình hóa học, quá trình chiết xuất hợp chất thiên nhiên, quá trình công nghệ sinh học.

10. *Sản phẩm cao su* gồm cao su tổng hợp; sản phẩm được sản xuất từ cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp có yêu cầu kỹ thuật riêng biệt về khuôn mẫu và tính năng.

11. *Dự án hóa chất* là dự án đầu tư xây dựng được hình thành và thực hiện với mục tiêu chính để tiến hành hoạt động sản xuất, tồn trữ hóa chất, sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất.

12. *Cơ sở hóa chất* là địa điểm diễn ra một hoặc nhiều hoạt động sản xuất hóa chất, kinh doanh hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất.

13. *Công trình hóa chất* là một hoặc tập hợp nhiều công trình xây dựng, dây chuyền công nghệ để tiến hành hoạt động sản xuất, tồn trữ hóa chất, sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất.

14. *Tổ hợp công trình hóa chất* là một tập hợp nhiều công trình hóa chất hoặc công trình có hoạt động sử dụng hóa chất, thuộc một dự án hoặc nhiều dự án khác nhau, có mối liên hệ về công nghệ, nguyên liệu, nhiên liệu, sản phẩm.

15. *Khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất* là khu công nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ cho dự án hóa chất, công trình hóa chất; có diện tích đất công nghiệp đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ được sử dụng để thu hút dự án hóa chất, công trình hóa chất và dự án sử dụng sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất được sản xuất trong khu công nghiệp làm nguyên liệu, dung môi, chất xúc tác trong quá trình sản xuất.

16. *Hoạt động hóa chất* gồm hoạt động nghiên cứu hóa chất, thử nghiệm hóa chất, sản xuất hóa chất, kinh doanh hóa chất, vận chuyển hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất, tiêu hủy hóa chất, thải bỏ hóa chất.

17. *Sản xuất hóa chất* gồm việc tạo ra hóa chất thông qua quá trình hóa học, quá trình công nghệ sinh học, pha chế, trích ly, cô đặc, chưng cất, chiết xuất, tinh chế hóa chất; gia công hóa chất; san chiết hóa chất. Sản xuất hóa chất không gồm hoạt động phát thải hóa chất không chủ đích.

18. *Kinh doanh hóa chất* gồm hoạt động mua, bán, trao đổi, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất để cung ứng trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.

19. *Sử dụng hóa chất* là việc dùng hóa chất cho mục đích tạo ra sản phẩm, hàng hóa khác; cung ứng dịch vụ; phục vụ quốc phòng, an ninh, y tế, khoa học, công nghệ hoặc mục đích hợp pháp khác.

20. *Dịch vụ tồn trữ hóa chất* là hoạt động cho thuê cơ sở vật chất để tồn trữ hóa chất cho tổ chức, cá nhân khác.

21. *Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất* là tập hợp dữ liệu về hóa chất; hoạt động hóa chất; ngành công nghiệp hóa chất; hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất.

22. *An toàn hóa chất* là việc áp dụng quy định, biện pháp nhằm mục tiêu không xảy ra ảnh hưởng tiêu cực đối với con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường trong hoạt động hóa chất.

23. *An ninh hóa chất* là việc áp dụng quy định, biện pháp nhằm mục tiêu ngăn chặn việc sở hữu bất hợp pháp và sử dụng sai mục đích hóa chất, thiết bị hóa học để duy trì trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm, không đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của tổ chức, cá nhân hoặc của xã hội.

24. *Sự cố hóa chất* là tình trạng cháy, nổ, rò rỉ, phát tán hóa chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt hóa chất; sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tồn trữ, sử dụng, mua, bán, trao đổi, tặng cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố hóa chất trái pháp luật.

2. Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về hóa chất.

3. Không cung cấp hoặc cố ý cung cấp không đầy đủ, không kịp thời, sai lệch thông tin về đặc tính nguy hiểm của hóa chất; sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm; việc mất, thất thoát hóa chất nguy hiểm; sự cố hóa chất.

4. Sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất không được sử dụng để sản xuất, kinh doanh và bảo quản thực phẩm, thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm hóa chất tiêu dùng.

5. Sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có hàm lượng hóa chất nguy hiểm không tuân thủ quy định của Luật này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về quản lý hóa chất.

7. Sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường; xâm phạm an ninh quốc gia, an ninh hóa chất, trật tự, an toàn xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất

Hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bao gồm:

1. Tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất gồm: lập thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình, giám sát thi công lắp đặt thiết bị vào công trình, quản lý dự án, định giá xây dựng;

2. Tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất;

3. Tư vấn an toàn, an ninh hóa chất gồm: lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất; huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất; phân loại và ghi nhãn hóa chất; lập phiếu an toàn hóa chất; đăng ký hóa chất mới.

Điều 8. Điều kiện tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 cá nhân tham gia hoạt động tư vấn đáp ứng các điều kiện sau đây: có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về hóa học; có kinh nghiệm công tác phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Luật này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đội ngũ tư vấn viên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này với số lượng phù hợp;

c) Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cần thiết đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư vấn.

3. Cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Luật này phải có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất. Điều kiện để cá nhân được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất bao gồm:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về hóa học;

b) Có kinh nghiệm công tác phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất.

4. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 3 Điều này; quy định nội dung chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất; quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất.

Điều 9. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm

1. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất có điều kiện được quy định như sau:

a) Hóa chất có điều kiện gồm chất và hỗn hợp chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện do Chính phủ ban hành;

b) Hoạt động hóa chất đối với hóa chất có điều kiện phải tuân thủ quy định về an toàn, bảo vệ môi trường quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt gồm chất và hỗn hợp chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Chính phủ ban hành, gồm: hóa chất thuộc đối tượng kiểm soát để thực thi điều ước quốc tế về hóa chất mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hóa chất có khả năng gây hại đến quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội, con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường;

b) Hoạt động hóa chất đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải tuân thủ quy định về an toàn, bảo vệ môi trường quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; có lĩnh vực, loại hình, quy mô, thời hạn phù hợp với giấy phép sản xuất, kinh doanh; được kiểm soát về mục đích sử dụng;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tồn trữ, vận chuyển, sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nghĩa vụ kiểm soát nghiêm ngặt số lượng; phòng, chống thất thoát, sự cố hóa chất; tuân thủ điều ước quốc tế về hóa chất mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất cấm được quy định như sau:

a) Hóa chất cấm là hóa chất nguy hiểm được quy định tại Danh mục hóa chất, khoáng vật cấm ban hành theo quy định của Luật Đầu tư;

b) Tổ chức, cá nhân không được thực hiện hoạt động hóa chất đối với hóa chất cấm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Tổ chức được phép sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, tồn trữ hóa chất cấm theo mục đích quy định tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương và luật khác có liên quan; được phép xuất khẩu hóa chất cấm trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 của Luật này;

d) Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm phải lập sổ theo dõi theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ; quản lý nghiêm ngặt số lượng, bảo đảm không để xảy ra thất thoát, sự cố hóa chất;

đ) Tổ chức, cá nhân không được tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh hóa chất cấm.

Điều 10. Sản xuất hóa chất

1. Tổ chức sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đầy đủ tài liệu pháp lý, tài liệu an toàn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện hoạt động sản xuất hóa chất;

c) Đáp ứng quy định tại Điều 33 và Điều 35 của Luật này;

d) Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện, Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép sản xuất hóa chất cấm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp khi tổ chức sản xuất hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật này.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Bộ, cơ quan ngang Bộ cấp khi tổ chức sản xuất hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ yêu cầu quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này.

Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

4. Giấy phép sản xuất hóa chất cấm do cơ quan, người có thẩm quyền cấp trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 của Luật này khi tổ chức sản xuất hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật này.

Giấy phép sản xuất hóa chất cấm có thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định việc thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

Điều 11. Kinh doanh hóa chất

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có đầy đủ tài liệu pháp lý, tài liệu an toàn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện hoạt động kinh doanh hóa chất;
- c) Đáp ứng các quy định tại Điều 33 của Luật này;
- d) Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện, Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp khi tổ chức kinh doanh hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật này.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện.

3. Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Bộ, cơ quan ngang Bộ cấp khi tổ chức kinh doanh hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này.

Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

4. Tổ chức, cá nhân mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 17 của Luật này và phải được xác thực dữ liệu về tổ chức, cá nhân mua, bán theo lộ trình thực hiện do Chính phủ quy định.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh và hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đối với hóa chất

1. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh và hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đối với hóa chất

thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Quản lý ngoại thương và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các trường hợp được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện bao gồm:

- a) Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện được xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện;
- b) Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện để phục vụ mục đích kinh doanh;
- c) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất được nhập khẩu hóa chất có điều kiện để phục vụ mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân đó.

3. Các trường hợp được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt bao gồm:

- a) Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất theo Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- b) Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất theo Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích kinh doanh;
- c) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đã thực hiện công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân đó.

4. Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

- a) Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- b) Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được cấp cho từng hóa đơn xuất khẩu, hóa đơn nhập khẩu và có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;
- c) Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần và có thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

5. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cấm được quy định như sau:

- a) Hoạt động xuất khẩu hóa chất cấm chỉ được thực hiện trong trường hợp tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm không sử dụng hết hóa chất cấm sau thời hạn sử dụng quy định trong Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm đã được cấp và phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trong trường hợp không xuất khẩu, tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện tiêu hủy hóa chất cấm theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm có nghĩa vụ thông báo đến cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm để thực hiện xuất khẩu hoặc tiêu hủy sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

- b) Hoạt động nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện theo Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- c) Tổ chức chỉ được nhập khẩu hóa chất cấm đúng nội dung được ghi trên Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm theo mục đích quy định tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương và luật khác có liên quan. Hoạt động nhập khẩu hóa chất cấm phải đáp ứng các điều kiện sau đây: có đầy đủ

tài liệu pháp lý, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện tồn trữ, vận chuyển và sử dụng hóa chất cấm;

d) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm có nghĩa vụ tuân thủ các quy định về sử dụng hóa chất cấm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 và khoản 3 Điều 15 của Luật này;

đ) Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm được cấp cho từng lô hàng nhập khẩu và có thời hạn nhập khẩu là 06 tháng kể từ ngày cấp.

6. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu, trừ các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu;

b) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm không phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu;

c) Trường hợp miễn trừ khác theo quy định của Chính phủ.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Vận chuyển hóa chất

1. Trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển hóa chất, người điều khiển phương tiện, chủ hàng, chủ phương tiện có nghĩa vụ áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa hậu quả, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại.

2. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của pháp luật về đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, hàng hải; yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Khi xảy ra sự cố, tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự nơi gần nhất.

3. Hoạt động vận chuyển hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này.

4. Hoạt động vận chuyển hóa chất cấm thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và điểm c khoản 3 Điều 9 của Luật này. Người thực hiện vận chuyển hóa chất cấm có các nghĩa vụ sau đây:

a) Kiểm tra điều kiện an toàn, an ninh hóa chất trước khi xuất phát và sau mỗi lần dừng, đỗ phương tiện vận chuyển hóa chất cấm;

b) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến hóa chất cấm;

c) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển hóa chất cấm ở nơi đông người, khu vực dân cư, gần trạm xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trường hợp cần dừng, đỗ phương tiện vận chuyển hóa chất cấm qua đêm hoặc do sự cố phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự, cơ quan công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ.

Điều 14. Tồn trữ hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân tồn trữ hóa chất có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ yêu cầu quy định tại các điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41 của Luật này;

b) Có thông tin cảnh báo cần thiết tại nơi tồn trữ hóa chất nguy hiểm, nội quy về an toàn hóa chất, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất tại khu vực tồn trữ hóa chất nguy hiểm. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì biểu trưng cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó;

c) Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với đặc tính nguy hiểm của hóa chất.

2. Tồn trữ hóa chất có điều kiện được quy định như sau:

a) Hoạt động tồn trữ hóa chất có điều kiện thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật này;

b) Tổ chức, cá nhân phải có kho chứa để thực hiện tồn trữ hóa chất có điều kiện hoặc sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

- a) Hoạt động tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này;
- b) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được quản lý; tồn trữ bảo đảm an toàn; phòng, chống thất thoát, hư hỏng;
- c) Tổ chức, cá nhân phải có kho chứa để thực hiện tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Tồn trữ hóa chất cấm được quy định như sau:

- a) Hoạt động tồn trữ hóa chất cấm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, điểm c khoản 3 Điều 9 của Luật này;
- b) Hóa chất cấm phải được quản lý; tồn trữ bảo đảm an toàn; phòng, chống thất thoát, hư hỏng;
- c) Hóa chất cấm phải được tồn trữ tại kho riêng hoặc khu vực riêng biệt của kho chứa hóa chất;
- d) Tổ chức tồn trữ hóa chất cấm phải lập sổ theo dõi theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật này.

5. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất có điều kiện phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này;
- b) Có đầy đủ tài liệu pháp lý, tài liệu an toàn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện tồn trữ.

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

7. Chính phủ quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 1 Điều này; quy định nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Điều 15. Sử dụng hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất phải bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn trong hoạt động sử dụng hóa chất quy định tại Điều 33 của Luật này.

2. Sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

- a) Hoạt động sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này;
- b) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nghĩa vụ công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất trước khi sử dụng lần đầu hoặc trước khi thay đổi mục đích sử dụng.

3. Sử dụng hóa chất cấm được quy định như sau:

- a) Tổ chức sử dụng hóa chất cấm phải được thành lập theo quy định của pháp luật; có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm theo mục đích quy định tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương và luật khác có liên quan;
- b) Tổ chức sử dụng hóa chất cấm phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này và điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật này.

4. Theo yêu cầu quản lý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định về hóa chất không được sử dụng trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 16. Xử lý chất thải từ hoạt động hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hóa chất phải xử lý chất thải, bao bì, thiết bị chứa hóa chất thải bỏ từ hoạt động hóa chất và các vật dụng khác có liên quan đến quá trình sử dụng có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại dễ gây ô nhiễm môi trường và các đặc tính nguy hại khác theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân xử lý chất thải công nghiệp từ hoạt động hóa chất phải thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và Điều 33 của Luật này.

Điều 17. Kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho từng lần giao hàng.

2. Tổ chức kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt chỉ được bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các đối tượng sau đây:

- Tổ chức có giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đã thực hiện công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

3. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất quy định biểu mẫu, thời hạn, phương thức và lộ trình thực hiện lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Điều 18. Miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Các trường hợp được miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất bao gồm:

- Hỗn hợp chất có chứa chất thuộc danh mục do Chính phủ ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 9 của Luật này được phân loại nguy hiểm ở cấp độ thấp;
- Trường hợp san chiết, pha chế hóa chất nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nội bộ của tổ chức thực hiện việc san chiết, pha chế;
- Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 19. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- Tổ chức được cấp giấy phép, giấy chứng nhận tự chấm dứt hoạt động hóa chất và có văn bản đề nghị thu hồi gửi cơ quan cấp giấy phép, giấy chứng nhận;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương bị thu hồi hoặc tổ chức giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết;
- Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận có thông tin gian dối hoặc có giấy tờ giả mạo;
- Giấy phép, giấy chứng nhận được cấp không đúng thẩm quyền, đối tượng hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;

đ) Mua, bán, trao đổi, tặng cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép, giấy chứng nhận;

e) Không khắc phục kịp thời theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đáp ứng đầy đủ các điều kiện trong quá trình hoạt động hóa chất;

g) Theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 23. Phân loại, ghi nhãn hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất có nghĩa vụ phân loại, ghi nhãn hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phân loại hóa chất và thông tin thể hiện trên nhãn hóa chất.

2. Việc phân loại hóa chất thực hiện theo quy tắc, hướng dẫn kỹ thuật của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) và theo quy định chi tiết của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất.

3. Việc ghi nhãn hóa chất thực hiện theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

4. Việc ghi nhãn hóa chất nguy hiểm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và hướng dẫn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

5. Khi phát hiện đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất chưa được thể hiện trong thông tin phân loại hóa chất, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ kịp thời thông báo cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất đó để thực hiện lại việc phân loại, ghi nhãn hóa chất theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất.

Điều 24. Bao bì, thiết bị chứa và hoạt động đóng gói hóa chất

Bao bì, thiết bị chứa và hoạt động đóng gói hóa chất phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu về phân loại, ghi nhãn hóa chất quy định tại Điều 23 của Luật này;

2. Bao bì, thiết bị chứa và hoạt động đóng gói hóa chất phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm không bị rò rỉ, thất thoát hóa chất trong vận chuyển, tồn trữ;

3. Bao bì, thiết bị chứa hóa chất nhập khẩu thực hiện theo khuyến cáo và yêu cầu của nhà sản xuất;

4. Bao bì, thiết bị chứa hóa chất phải bảo đảm không bị hóa chất chứa bên trong ăn mòn, phá hủy.

Điều 25. Phiếu an toàn hóa chất

1. Tổ chức sản xuất hóa chất nguy hiểm, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất nguy hiểm phải lập phiếu an toàn hóa chất khi nhập khẩu hóa chất, trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin thể hiện trong phiếu an toàn hóa chất.

2. Tổ chức bán hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ cung cấp phiếu an toàn hóa chất cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất. Tổ chức, cá nhân mua hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ yêu cầu tổ chức bán hóa chất cung cấp phiếu an toàn hóa chất, lưu giữ phiếu an toàn hóa chất tại địa điểm tồn trữ hóa chất.

3. Tổ chức sản xuất hóa chất nguy hiểm, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung phiếu an toàn hóa chất khi có thay đổi về nội dung hoặc phát hiện đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất trước khi tiếp tục lưu thông hóa chất trên thị trường, đưa hóa chất vào sử dụng.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất quy định chi tiết về nội dung, biểu mẫu phiếu an toàn hóa chất.

NGHỊ ĐỊNH 24/2026/NĐ-CP: QUY ĐỊNH CÁC DANH MỤC HÓA CHẤT THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT HÓA CHẤT

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các danh mục hoá chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hoá chất về các lĩnh vực phát triển công nghiệp hóa chất, hoạt động hóa chất và an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất, cụ thể: khoản 2 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 9; điểm a khoản 2 Điều 9; khoản 2 Điều 37.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực phát triển công nghiệp hóa chất, hoạt động hóa chất và an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Các danh mục thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hoá chất

Quy định các danh mục hoá chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất tại các Phụ lục kèm theo Nghị định này như sau: Danh mục hóa chất cơ bản thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm (Phụ lục I); Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện (Phụ lục II); Danh mục hoá chất cần kiểm soát đặc biệt (Phụ lục III); Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Phụ lục IV).

PHỤ LỤC I

DANH MỤC HOÁ CHẤT CƠ BẢN THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Tên khoa học (danh pháp IUPAC)	Tên chất	Mã số CAS	Công thức hóa học
1.	1,3-Butadiene	1,3-Butadien	106-99-0	C ₄ H ₆
2.	Ethanoic acid	Axit Axetic (GAA)	64-19-7	C ₂ H ₄ O ₂
3.	Acrylonitrile	Acrylonitrile	107-13-1	C ₃ H ₃ N
4.	Ammonia (anhydrous)	Amoniac (khan)	7664-41-7	NH ₃
5.	Argon	Argon	7440-37-1	Ar
6.	Hydrochloric acid	Axit Hydrochloric	7647-01-0	HCl
---	-----	-----	-----	-----
38.	Cyclohexane	Xyclohexan	110-82-7	C ₆ H ₁₂
39.	Xylene	Xylen	1330-20-7	C ₈ H ₁₀

PHỤ LỤC II

DANH MỤC HÓA CHẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

(Kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

1. Chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện

STT	Tên khoa học (danh pháp IUPAC)	Tên chất	Mã số CAS	Công thức hóa học
1.	Acetaldehyde	Axetandehit	75-07-0	C ₂ H ₄ O
2.	Acetaldehyde oxime	Axetandehit oxim	107-29-9	C ₂ H ₅ NO
3.	Acetonitrile	Axetonitril	75-05-8	C ₂ H ₃ N
4.	Acetyl iodide	Iot axetyl	507-02-8	C ₂ H ₃ IO
5.	Acetylene	Axetylen	74-86-2	C ₂ H ₂
6.	2-Acetyloxy benzoic acid	Axit 2-axetyloxy benzoic	50-78-2	C ₉ H ₈ O ₄
7.	Acrylic acid	Axit acrylic	79-10-7	C ₃ H ₄ O ₂
8.	Acrylonitrile	Acrylonitrile	107-13-1	C ₃ H ₃ N
9.	Adiponitrile	Adiponitril	111-69-3	C ₆ H ₈ N ₂
---	---	-----	-----	-----
785.	(1RS,2RS;1RS,2SR)-1-(Biphenyl-4-yloxy)-3,3-	(1RS,2RS;1RS,2SR)-1-(Biphenyl-4-yloxy)-3,3-	55179-31-2	C ₂₀ H ₂₃ N ₃ O ₂

	dimethyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-yl) butan-2-ol	dimetyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-yl) butan-2-ol		
786.	(RS)-2-Chloro-N-(2,4-dimethyl-3-thienyl)-N-(2-methoxy-1-methylethyl) acetamide	(RS)-2-Clo-N-(2,4-dimetyl-3-thienyl)-N-(2-methoxy-1-metyl ethyl) acetamit	87674-68-8	C ₁₂ H ₁₈ ClNO ₂ S

2. Hỗn hợp chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện

Hỗn hợp chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện là hỗn hợp chất chứa ít nhất một thành phần trong Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện của Nghị định này có hàm lượng lớn hơn 5% khối lượng.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

(Kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

I. Chất cần kiểm soát đặc biệt

1.1. Nhóm 1

STT	Tên khoa học (danh pháp IUPAC)	Tên chất	Mã CAS	Công thức hóa học
A	CÁC TIỀN CHẤT CÔNG NGHIỆP			
	Nhóm 1 (IVB): Các tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy, có ứng dụng hợp pháp trong y học và đời sống xã hội.			
	Danh mục này bao gồm các chất và muối, ester, đồng phân, muối của đồng phân có thể tồn tại của các chất sau:			
1.	Phenylacetone	1 - phenyl - 2 - propanone (P2P)	103-79-7	C ₉ H ₁₀ O
2.	Acetic oxide	Acetic anhydride (AA)	108-24-7	C ₄ H ₆ O ₃
3.	3-oxo-2-phenylbutanenitrile	Alpha-phenyl acetoacetonitrile (APAAN)	4468-48-8	C ₁₀ H ₉ NO
4.	2 - Aminobenzoic acid	Anthranilic acid	118-92-3	C ₇ H ₇ NO ₂
5.	Benzaldehyde	Benzoic aldehyde	100-52-7	C ₇ H ₆ O
---	-----	-----	----	-----
153.	Vinyl chloride	Vinyl clorua	75-01-4	C ₂ H ₃ Cl
154.	Cyclohexyl amine	Xyclohexyl amin	108-91-8	C ₆ H ₁₃ N

1.2. Nhóm 2

STT	Tên khoa học theo danh pháp quốc tế IUPAC	Tên hóa chất theo tiếng Việt	Mã CAS	Công thức hóa học
A	CÁC TIỀN CHẤT CÔNG NGHIỆP			
	Nhóm 2 (IVC): Các tiền chất là hóa chất, dung môi, chất xúc tác dùng trong quá trình sản xuất chất ma túy.			
1.	Ethanoic acid	Acetic acid (GAA)	64-19-7	C ₂ H ₄ O ₂
2.	2 - Propanone	Acetone	67-64-1	C ₃ H ₆ O
3.	Acetyl chloride	Acetyl chloride	75-36-5	C ₂ H ₃ ClO
4.	Formic acid ammonium salt	Ammonium formate	540-69-2	CH ₅ NO ₂
5.	N-Ethylethanamine	Diethylamine	109-89-7	C ₄ H ₁₁ N
6.	1 - 1 - Oxybisethane Diethyl ether	Ethyl ether (Diethyl ether)	60-29-7	C ₄ H ₁₀ O
---	-----	-----	----	-----

85.	Tris (2,3-dibromo propyl) phosphate	Tris (2,3-dibro propyl) photphat	126-72-7	C ₉ H ₁₅ Br ₆ PO ₄
86.	Toxaphene (Camphechlor)	Toxaphen (Camphechlor)	8001-35-2	C ₁₀ H ₁₀ Cl ₈
87.	2-(2H-Benzotriazol-2-yl)-4,6-di-tert-pentylphenol	UV-328	25973-55-1	C ₂₂ H ₂₉ N ₃ O

Ghi chú:

(*) Chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) thuộc Phụ lục này thực hiện theo các quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

II. Hỗn hợp chất cần kiểm soát đặc biệt

Hỗn hợp chất cần kiểm soát đặc biệt là hỗn hợp chất chứa ít nhất một thành phần:

- Thuộc nhóm 1 của Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của Nghị định này có hàm lượng lớn hơn 1% khối lượng.

- Hóa chất thuộc công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và hóa chất thuộc các công ước quốc tế về hóa chất thuộc nhóm 2 của Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của Nghị định này có hàm lượng lớn hơn 1% khối lượng.

- Các tiền chất công nghiệp thuộc nhóm 2 của Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của Nghị định này có hàm lượng lớn hơn 5% khối lượng.

Hỗn hợp chất có chứa thành phần trong Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện và có chứa thành phần trong Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thì được coi là hỗn hợp chất cần kiểm soát đặc biệt và thực hiện các quy định đối với hỗn hợp chất cần kiểm soát đặc biệt.

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC HOÁ CHẤT PHẢI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HOÁ CHẤT

(Kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Các hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất bao gồm các chất quy định tại Bảng A của Phụ lục này và hỗn hợp chứa các chất quy định tại Bảng A khi phân loại theo GHS thuộc trường hợp quy định tại Bảng B Phụ lục này.

1. Bảng A

STT	Tên khoa học (danh pháp IUPAC)	Tên chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Ngưỡng khối lượng hóa chất tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm (kg)
1.	Acrolein (2-Propenal)	Acrolein	107-02-8	C ₃ H ₄ O	5.000
2.	Acrylonitrile	Acrylonitril	107-13-1	C ₃ H ₃ N	50.000
3.	Acryloyl chloride (2-Propenoyl chloride)	Acryloyl clorua	814-68-6	C ₃ H ₃ ClO	5.000
4.	Aldicarb	Aldicarb	116-06-3	C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S	5.000

---	----	----	----	---	----
270.	Cyclotrimethylene trinitramine	Xyclotrimetylen trinitramin	121-82-4	C ₃ H ₆ N ₆ O ₆	10.000
271.	The following carcinogens or the mixtures containing the following carcinogens at concentrations above 5% by weight: 4-Aminobiphenyl and/or its salts, Benzotrichloride, Benzidine and/or salts, Bis (chloromethyl) ether, Chloromethyl methyl ether, 1,2-Dibromometan, Diethyl sulfate, Dimethyl sulfate, Dimethylcarbamoyl chloride, 1,2-Dibrom-3-chloropropane, 1,2-Dimethyl hydrazin, Dimethylnitrosamine, Hexamethylphosphoric triamide, hydrazine, 2-Naphtylamine and/or salts, 4-Nitrodiphenyl and 1,3 Propanesultone	Các chất có khả năng gây ung thư hoặc các hỗn hợp chứa các chất có khả năng gây ung thư thành phần khối lượng trên 5%: 4-Aminobiphenyl và/hoặc muối của nó, Benzotriclorid, Benzidin và/hoặc các muối, Bis (clorometyl) ete, Clometyl metyl ete, 1,2-Dibrometan, Dietyl sunphat, Dimetyl sunphat, Dimetylcacbamoyl clorit, 1,2-Dibrom-3-clo propan, 1,2-Dimetylhydrazin, Dimetylnitro amin, Hexametylphotphoric triamit, Hydrazin, 2-Naphtylamin và/hoặc muối của 4-Nitrodiphenyl và 1,3-Propanesulton	---	---	500

2. Bảng B

STT	Nhóm hóa chất	Ngưỡng khối lượng hóa chất tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm (kg)
I	Nguy hại sức khỏe	
1	Độc cấp tính cấp 1, tất cả các đường phơi nhiễm	5.000
2	Độc cấp tính - Cấp 2, tất cả các đường phơi nhiễm - Cấp 3, đường hô hấp	50.000
3	Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn	50.000
II	Nguy hại vật chất	
1	Chất nổ - Chất nổ không bền; - Chất nổ cấp 1.1, 1.2, 1.3, 1.5 hoặc 1.6.	10.000
2	Chất nổ cấp 1.4	50.000
3	Khí dễ cháy cấp 1, cấp 2	10.000

4	Sol khí dễ cháy cấp 1 và cấp 2, có chứa khí dễ cháy cấp 1, cấp 2 hoặc chất lỏng dễ cháy cấp 1	150.000 (net)
5	Sol khí dễ cháy cấp 1 và cấp 2, không chứa khí dễ cháy cấp 1, cấp 2 và không chứa chất lỏng dễ cháy cấp 1	5 000.000 (net)
6	Khí oxi hóa cấp 1	50.000
7	Chất lỏng dễ cháy: - Chất lỏng dễ cháy cấp 1, hoặc - Chất lỏng dễ cháy cấp 2 hoặc cấp 3 ở điều kiện nhiệt độ trên nhiệt độ sôi của chúng, hoặc - Các chất lỏng khác có nhiệt độ chớp cháy $\leq 60^{\circ}\text{C}$, ở điều kiện nhiệt độ trên nhiệt độ sôi của chúng.	10.000
8	Chất lỏng dễ cháy - Chất lỏng dễ cháy cấp 2 hoặc cấp 3 ở điều kiện áp suất cao hoặc nhiệt độ cao có thể tạo ra nguy cơ lớn, hoặc - Các chất lỏng khác có nhiệt độ chớp cháy $\leq 60^{\circ}\text{C}$ ở điều kiện áp suất cao hoặc nhiệt độ cao có thể tạo ra nguy cơ lớn.	50.000
9	Chất lỏng dễ cháy cấp 2 hoặc cấp 3 không thuộc trường hợp quy định tại mục 7, mục 8 bảng này.	5.000.000
10	Chất và hỗn hợp tự phản ứng kiểu A hoặc kiểu B; peroxyt hữu cơ kiểu A hoặc kiểu B	10.000
11	Chất và hỗn hợp tự phản ứng kiểu C, D, E, F; peroxyt hữu cơ kiểu C, D, E, F	50.000
12	Chất lỏng tự cháy cấp 1; chất rắn tự cháy cấp 1	50.000
13	Chất lỏng oxi hóa cấp 1,2 hoặc 3; chất rắn oxi hóa cấp 1,2 hoặc 3	50.000
14	Chất hoặc hợp chất khi tiếp xúc với nước gây phát sinh khí dễ cháy cấp 1	100.000
III	Nguy hại cho môi trường	
1	Nguy hại cấp tính đến môi trường thủy sinh cấp 1	100.000
2	Nguy hại mãn tính đến môi trường thủy sinh cấp 2	200.000
IV	Nguy hại khác	
1	Chất hoặc hợp chất gây nguy hiểm EUH014	100.000
2	Chất hoặc hợp chất gây nguy hiểm EUH029	50.000

NGHỊ ĐỊNH 25/2026/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ AN TOÀN, AN NINH HÓA CHẤT

TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

Điều 15. Điều kiện tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất

Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất phải đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 và có ít nhất 01 cá nhân tham gia hoạt động tư vấn đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Có kinh nghiệm công tác như sau:

a) Trường hợp tham gia hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất có công trình cấp I trở lên: Có kinh nghiệm đảm nhận một trong các vị trí về kỹ thuật, công nghệ, an toàn hóa chất

tại các dự án hóa chất từ 07 năm trở lên hoặc từng tham gia hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất có công trình cấp I trở lên.

b) Trường hợp tham gia hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất có công trình cấp II: Có kinh nghiệm đảm nhận một trong các vị trí về kỹ thuật, công nghệ, an toàn hóa chất tại các dự án hóa chất từ 04 năm trở lên hoặc từng tham gia hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất có công trình cấp II trở lên;

c) Trường hợp tham gia hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất có công trình cấp III trở xuống: Có kinh nghiệm đảm nhận một trong các vị trí về kỹ thuật, công nghệ, an toàn hóa chất tại các dự án hóa chất từ 02 năm trở lên hoặc từng tham gia hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất.

Điều 16. Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất

1. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm công tác theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện kinh nghiệm công tác của cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được quy định như sau:

a) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A1: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 07 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp II trở lên;

b) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A2: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp III trở lên;

c) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A3: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên.

3. Phạm vi hoạt động của cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được quy định như sau:

a) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A1: Được thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với tất cả các dự án hóa chất;

b) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A2: Được thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình từ cấp II trở xuống;

c) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A3: Được thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình từ cấp III trở xuống.

4. Kinh nghiệm công tác quy định tại khoản 2 Điều này được tính đối với các công việc đã được nghiệm thu theo quy định trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm công tác phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn thấp hơn 01 hạng theo quy định.

Điều 17. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất

1. Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Hóa chất số 69/2025/QH15

2. Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp I trở lên phải có ít nhất 02 tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A1 làm việc trọn thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp II phải có ít nhất 01 tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành

hóa chất Hạng A1 hoặc Hạng A2 làm việc trọn thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp III, cấp IV phải có ít nhất 01 tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A1 hoặc Hạng A2 hoặc Hạng A3 làm việc trọn thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

5. Có phần mềm phục vụ công tác thiết kế, lựa chọn công nghệ, thiết bị.

Điều 18. Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất

1. Cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- Có thời gian kinh nghiệm công tác tại vị trí liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất bằng tiêu chuẩn về thời gian kinh nghiệm của người huấn luyện nội dung lý thuyết chuyên ngành có trình độ từ đại học trở lên theo quy định tại pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;
- Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với nội dung tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp và phạm vi hoạt động đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được quy định như sau:

- Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h tại khoản này khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 05 chương trình diễn tập cấp tỉnh;
- Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h tại khoản này khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt, ban hành trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
- Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập của cơ sở hóa chất.
- Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh và của cơ sở hóa chất khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập cấp tỉnh.
- Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của dự án hóa chất, cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
- Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
- Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất cho đối tượng thuộc nhóm I, II, III quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị định này khi có kinh nghiệm làm người huấn luyện hoặc tham gia hỗ trợ huấn luyện tối thiểu 05 chương trình huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

h) Cá nhân chỉ đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; phân loại, ghi nhãn hóa chất, lập phiếu an toàn hóa chất, đăng ký hóa chất mới.

Điều 19. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất

1. Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.
2. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất phải có ít nhất 01 tư vấn viên đảm nhận nhiệm vụ tư vấn có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định Điều 18 của Nghị định này.
3. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, cần thiết đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư vấn: Trang thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp với đặc tính nguy hiểm của các loại hóa chất, phương tiện, thiết bị phục vụ thực hành hoặc diễn tập ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 20. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất (sau đây gọi tắt là chứng chỉ tư vấn) được cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài lao động hoặc tạm trú hợp pháp tại Việt Nam để thực hiện hoạt động tư vấn theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.
2. Chứng chỉ tư vấn cấp mới, cấp điều chỉnh có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp. Đối với chứng chỉ tư vấn của cá nhân nước ngoài, hiệu lực được xác định theo thời hạn còn lại được ghi trong giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không quá 05 năm. Thời hạn của chứng chỉ tư vấn cấp lại được xác định theo thời hạn ghi trên chứng chỉ tư vấn được cấp lần gần nhất trước đó.
3. Quy cách và nội dung của chứng chỉ tư vấn quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
4. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn việc ghi mã số chứng chỉ tư vấn.

Điều 21. Trường hợp cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất được cấp cho cá nhân khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Cấp mới chứng chỉ tư vấn đối với các trường hợp: lần đầu được cấp chứng chỉ; chứng chỉ hết thời hạn hiệu lực hoặc đề nghị cấp lại đối với chứng chỉ còn thời hạn hiệu lực không thuộc điểm b khoản này;
 - b) Cấp lại chứng chỉ tư vấn đối với các trường hợp: chứng chỉ tư vấn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng; điều chỉnh, bổ sung thông tin cá nhân; ghi sai thông tin do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ;
 - c) Cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn đối với trường hợp điều chỉnh hạng, nhóm chứng chỉ tư vấn;
 - d) Cá nhân người nước ngoài đã được cấp chứng chỉ tư vấn theo quy định tại điểm a khoản này, nếu giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú hết hạn trước thời hạn của chứng chỉ tư vấn, để tiếp tục hoạt động tư vấn tại Việt Nam thì thực hiện cấp mới chứng chỉ tư vấn sau khi được gia hạn giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú.
2. Chứng chỉ tư vấn bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Cá nhân không còn đáp ứng điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 18 của Nghị định này;
 - b) Giả mạo giấy tờ, kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn;
 - c) Cho thuê, cho mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ tư vấn;
 - d) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ tư vấn;
 - đ) Chứng chỉ tư vấn được cấp không đúng thẩm quyền; không đúng đối tượng;
 - e) Chứng chỉ tư vấn được cấp khi cá nhân không đáp ứng điều kiện theo quy định;
 - g) Cá nhân có sai phạm và bị cơ quan chức năng kiến nghị thu hồi chứng chỉ tư vấn;

h) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn không còn nhu cầu sử dụng chứng chỉ tư vấn mà mình được cấp và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ thu hồi.

3. Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ tư vấn được đề nghị cấp mới chứng chỉ tư vấn sau thời hạn:

a) 24 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ tư vấn đối với các trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d và g khoản 2 Điều này;

b) Theo thời hạn tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính tước quyền sử dụng chứng chỉ tư vấn hoặc đình chỉ hoạt động đối với các trường hợp theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều này.

Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới chứng chỉ tư vấn bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản sao văn bằng có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận);

d) Tài liệu chứng minh thời gian công tác tại các vị trí phù hợp là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định một hoặc một số giấy tờ sau đây: Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, luân chuyển, điều động; hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động; bảng lương hoặc giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội; giấy xác nhận quá trình công tác;

đ) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm tham gia các công việc phù hợp là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định một hoặc một số giấy tờ sau đây: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai;

e) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ tư vấn bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản gốc chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp lại. Trong trường hợp bị mất chứng chỉ tư vấn thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

3. Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Các tài liệu theo quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều này.

4. Cá nhân thực hiện nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn trừ trường hợp đề nghị cấp lại do cơ quan cấp chứng chỉ ghi sai thông tin.

Điều 23. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn bằng một trong các hình thức sau:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

2. Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 22 của Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và cấp chứng chỉ tư vấn. Trường hợp không cấp chứng chỉ tư vấn, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn phải thông báo bằng văn bản tới cá nhân và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn cấp chứng chỉ tư vấn được quy định như sau:

- a) 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;
- b) 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại;
- c) 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp điều chỉnh.

4. Đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ tư vấn:

- a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có kiến nghị thu hồi chứng chỉ tư vấn hoặc khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định một trong các trường hợp thu hồi chứng chỉ tư vấn quy định tại khoản 2 Điều 21 của Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ tư vấn ban hành quyết định thu hồi; trường hợp không thu hồi thì phải thông báo bằng văn bản gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân có kiến nghị thu hồi và nêu rõ lý do không thu hồi;
- b) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ tư vấn có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi chứng chỉ tư vấn cho cá nhân bị thu hồi;
- c) Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ tư vấn phải nộp lại bản gốc chứng chỉ tư vấn cho cơ quan ra quyết định thu hồi trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi;
- d) Cơ quan ra quyết định thu hồi tổ chức thực hiện việc tiêu hủy chứng chỉ tư vấn bằng hình thức cắt chéo 1/2 (một phần hai) chứng chỉ.

5. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất có trách nhiệm cập nhật thông tin về chứng chỉ tư vấn được cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân đăng ký thường trú cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất.

7. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất.

Điều 24. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn có các quyền sau đây:

- a) Được yêu cầu cung cấp thông tin về việc cấp chứng chỉ tư vấn;
- b) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp chứng chỉ tư vấn.

2. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trong hồ sơ; cung cấp thông tin khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;
- b) Chỉ được hành nghề đúng với nội dung ghi trên chứng chỉ tư vấn, tuân thủ các quy định của pháp luật về hóa chất và pháp luật khác có liên quan;
- c) Không được cho người khác thuê, mượn, sử dụng chứng chỉ tư vấn;

d) Không được tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ tư vấn;

đ) Xuất trình chứng chỉ tư vấn và chấp hành yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 25. Bảo đảm yêu cầu về cơ sở vật chất - kỹ thuật trong hoạt động hóa chất

1. Nhà xưởng, kho chứa phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn trong hoạt động hóa chất theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Thiết bị, phương tiện sản xuất, bao bì, thiết bị chứa đối với hoạt động hóa chất phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất hóa chất được lựa chọn đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ;

b) Thiết bị kỹ thuật phải đạt yêu cầu chung về an toàn phù hợp với chủng loại hóa chất và quy trình công nghệ, đáp ứng được công suất sản xuất, quy mô tồn trữ hóa chất. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị;

c) Bao bì, thiết bị chứa hóa chất phải bảo đảm kín, chắc chắn, phù hợp với chủng loại hóa chất, không rò rỉ hóa chất, có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bảo quản, bốc, xếp vận chuyển.

Bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng phải bảo quản riêng. Trước khi nạp hóa chất, cơ sở thực hiện nạp phải kiểm tra bao bì, thiết bị chứa hóa chất, làm sạch bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ khi nạp hóa chất. Các bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Bao bì, thiết bị chứa hóa chất phải có nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất. Nhãn của hóa chất phải đảm bảo rõ, dễ đọc và có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bảo quản, bốc, xếp vận chuyển.

3. Thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, phương tiện bảo hộ cá nhân trong hoạt động hóa chất phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

b) Trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất phải đáp ứng đúng và đủ theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành tại cơ sở hóa chất;

c) Phương tiện bảo hộ cá nhân phải được bảo đảm đúng chủng loại, số lượng, chất lượng đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, phù hợp với chủng loại hóa chất.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cho nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt thiết yếu thực hiện đảm bảo an toàn theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Điều 26. Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động vận chuyển hóa chất

Phương tiện, thiết bị, bồn chứa đối với hoạt động vận chuyển hóa chất phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Phương tiện, thiết bị, bồn chứa phục vụ hoạt động vận chuyển hóa chất phải được đăng kiểm, kiểm định, cấp phép vận chuyển hóa chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

2. Phương tiện, thiết bị, bồn chứa phục vụ hoạt động vận chuyển hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; được lựa chọn đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ phù hợp với chủng loại hóa chất, quy mô vận chuyển hóa chất.

3. Bao bì, thiết bị chứa hóa chất phải bảo đảm kín, chắc chắn, phù hợp với chủng loại hóa chất, không rò rỉ hóa chất, có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển. Bao bì đã qua sử dụng phải bảo quản riêng. Bao bì, thiết bị đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Bao bì, thiết bị chứa hóa chất phải có nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất. Nhãn của hóa chất phải đảm bảo rõ, dễ đọc và có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển.

5. Phương tiện bảo hộ cá nhân và trang thiết bị ứng phó sự cố hóa chất cho lái xe và người áp tải theo xe phải được trang bị đúng chủng loại, số lượng, chất lượng theo Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển đã xây dựng, đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động.

6. Trước khi vận chuyển hóa chất, phải kiểm tra phương tiện vận chuyển để đảm bảo phương tiện tham gia giao thông an toàn; làm sạch bao bì, thiết bị chứa hóa chất đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ khi vận chuyển hóa chất.

7. Lưu trữ biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển hóa chất theo phương tiện trong suốt quá trình vận chuyển dưới dạng bản cứng hoặc bản điện tử.

Điều 27. Yêu cầu chuyên môn đối với người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất phải có người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất, tiêu hủy hóa chất, thải bỏ hóa chất phải có người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất có trình độ trung cấp trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất thực hiện theo quy định tại pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

4. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, thử nghiệm hóa chất thực hiện theo quy định tại pháp luật về khoa học và công nghệ.

Điều 28. Thiết lập khoảng cách an toàn đối với công trình hóa chất

1. Bộ quản lý ngành tổ chức xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực quản lý.

2. Trách nhiệm thực hiện thiết lập khoảng cách an toàn:

a) Các dự án đầu tư có hoạt động sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm phải thiết lập khoảng cách an toàn đối với các khu dân cư, công trình công cộng, công trình quốc phòng, khu quân sự, công trình an ninh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực khai thác nguồn nước sinh hoạt;

b) Tổ chức, cá nhân không được xây dựng công trình nhà ở và công trình khác trong phạm vi khoảng cách an toàn quy định tại khoản 1 Điều này, trừ công trình chuyên dụng nhằm phục vụ mục đích đảm bảo an ninh, quốc phòng, giao thông hạ tầng, an ninh năng lượng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận việc xây dựng các công trình chuyên dụng trong phạm vi khoảng cách an toàn.

Chương VI

HUẤN LUYỆN AN TOÀN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

Điều 29. Đối tượng phải được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất cho các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều này định kỳ 02 năm một lần, trừ hoạt động sử dụng hóa chất cho nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt thiết yếu và hoạt động vận chuyển hóa

chất bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường thủy nội địa. Việc huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất có thể do tổ chức, cá nhân tự thực hiện hoặc thông qua tổ chức tư vấn. Tổ chức, cá nhân và tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất.

2. Người đã được huấn luyện phải được huấn luyện lại trong các trường hợp sau đây: Khi có sự thay đổi chủng loại hóa chất, công nghệ, cơ sở vật chất, phương án sản xuất liên quan đến vị trí làm việc; khi người đã được huấn luyện thay đổi vị trí làm việc; sau 02 lần kiểm tra người đã được huấn luyện không đạt yêu cầu; khi hết thời hạn 02 năm kể từ lần huấn luyện gần nhất.

3. Đối tượng tham gia huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất được quy định như sau:

a) Nhóm 1, bao gồm:

Người đứng đầu tổ chức, cơ sở trực tiếp hoạt động hóa chất; trưởng phòng, ban, chi nhánh trực thuộc, quản đốc phân xưởng hoặc tương đương phụ trách hoạt động hóa chất;

Cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này được giao nhiệm vụ phụ trách điều hành hoạt động hóa chất.

b) Nhóm 2, bao gồm:

Người chịu trách nhiệm về an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất;

Người trực tiếp giám sát về an toàn hóa chất tại nơi làm việc; thủ kho liên quan đến hoạt động hóa chất hoặc tương đương.

c) Nhóm 3, bao gồm:

Người lao động liên quan trực tiếp đến hóa chất;

Nhân viên y tế tại cơ sở hoạt động hóa chất (nếu có).

4. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cơ sở hoạt động hóa chất, tổ chức, cá nhân chủ động tổ chức huấn luyện riêng về an toàn chuyên ngành hóa chất hoặc kết hợp huấn luyện các nội dung về an toàn chuyên ngành hóa chất với huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động, về phòng cháy, chữa cháy hoặc nội dung huấn luyện khác được pháp luật chuyên ngành quy định nhưng phải bảo đảm đáp ứng các quy định về nội dung huấn luyện, người huấn luyện và thời gian huấn luyện tại Điều 30, Điều 31 và khoản 1 Điều 32 của Nghị định này.

Điều 30. Nội dung huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất

1. Nội dung huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất phải phù hợp với vị trí công tác của người được huấn luyện; tính chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm của hóa chất tại cơ sở hoạt động hóa chất.

2. Nội dung huấn luyện đối với Nhóm 1:

a) Những quy định của pháp luật trong hoạt động hóa chất;

b) Các yếu tố nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở;

c) Phương án phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở để ứng phó, khắc phục sự cố.

3. Nội dung huấn luyện đối với Nhóm 2:

a) Những quy định của pháp luật trong hoạt động hóa chất;

b) Các yếu tố nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở, các biện pháp phòng ngừa theo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành;

c) Quy trình quản lý an toàn hóa chất, kỹ thuật đảm bảo an toàn khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm;

d) Các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở; phân loại, ghi nhãn hóa chất; sắp xếp hóa chất;

đ) Quy trình ứng phó đối với các hóa chất nguy hiểm điển hình: Quy trình thông báo, kỹ thuật ứng phó, vật liệu ứng phó, trang thiết bị bảo hộ cá nhân, phương án thu gom, tiêu hủy, khử nhiễm...;

e) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết hóa chất nguy hiểm thông qua nhãn hóa chất và hình đồ cảnh báo; sử dụng, bảo quản trang thiết bị bảo hộ cá nhân phục vụ công tác ứng phó sự cố hóa chất; sử dụng các thiết bị, vật liệu ứng phó sự cố hóa chất.

4. Nội dung huấn luyện đối với Nhóm 3:

a) Các yếu tố nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở, các biện pháp phòng ngừa theo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành;

b) Quy trình quản lý an toàn hóa chất, kỹ thuật đảm bảo an toàn khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm;

c) Các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở; phân loại, ghi nhãn hóa chất; sắp xếp hóa chất;

d) Quy trình ứng phó đối với các hóa chất nguy hiểm điển hình: Quy trình thông báo, kỹ thuật ứng phó, vật liệu ứng phó, trang thiết bị bảo hộ cá nhân, phương án thu gom, tiêu hủy, khử nhiễm...;

đ) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết hóa chất nguy hiểm thông qua nhãn hóa chất và hình đồ cảnh báo; sử dụng, bảo quản trang thiết bị bảo hộ cá nhân phục vụ công tác ứng phó sự cố hóa chất; sử dụng các thiết bị, vật liệu ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 31. Người huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất

1. Đối với trường hợp tổ chức tự thực hiện huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất, người huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất phải có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và có kinh nghiệm làm việc liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất tại tổ chức mình thực hiện huấn luyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thông qua tổ chức tư vấn để thực hiện huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất, người huấn luyện thuộc tổ chức tư vấn phải có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất trong đó được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất. Tổ chức tư vấn huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này.

Điều 32. Thời lượng huấn luyện, kiểm tra, hồ sơ huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất

1. Thời gian huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất được quy định như sau:

a) Thời gian huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất chu kỳ đầu tiên tối thiểu là 08 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;

b) Thời gian huấn luyện an toàn hóa chất từ chu kỳ thứ hai trở đi bằng 50% thời gian huấn luyện an toàn hóa chất chu kỳ đầu tiên, trừ các trường hợp phải được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất lại theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định này.

2. Quy định về kiểm tra:

a) Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung huấn luyện;

b) Thời gian kiểm tra tối đa là 02 giờ;

c) Bài kiểm tra đạt yêu cầu phải đạt điểm trung bình trở lên.

3. Hồ sơ huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất gồm:

a) Nội dung huấn luyện;

b) Danh sách người được huấn luyện với các thông tin: Họ tên, ngày tháng năm sinh, chức danh, vị trí làm việc, chữ ký xác nhận tham gia huấn luyện;

c) Thông tin về người huấn luyện bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ học vấn, chuyên ngành được đào tạo, kinh nghiệm công tác, kèm theo các tài liệu chứng minh;

d) Nội dung và kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất;

đ) Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất của tổ chức thực hiện huấn luyện.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất và xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.

Chương VII

PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT

Điều 33. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Danh mục Hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

2. Chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với tất cả các hóa chất nguy hiểm mà dự án có hoạt động và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có ít nhất 01 hóa chất thuộc Bảng A hoặc 01 hỗn hợp chất thuộc Bảng B Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất với khối lượng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm lớn hơn hoặc bằng ngưỡng khối lượng quy định tại Phụ lục;

b) Tổng tỉ lệ của khối lượng hóa chất nguy hiểm tồn trữ trên ngưỡng quy định lớn hơn hoặc bằng 1 trong trường hợp không thuộc đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Tổng tỉ lệ của khối lượng hóa chất nguy hiểm tồn trữ được tính toán như sau:

$$qx_1/QUX_1 + qx_2/QUX_2 +qx_i/QUX_i \geq 1$$

Trong đó:

qx_i = khối lượng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm hóa chất nguy hiểm i thuộc Bảng A hoặc Bảng B của Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

QUX_i = ngưỡng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm hóa chất nguy hiểm i được quy định tại Bảng A hoặc Bảng B của Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

3. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin về đặc tính, khối lượng, quy mô hoạt động, tồn trữ hóa chất, công nghệ sản xuất, sử dụng hóa chất, đặc điểm điều kiện địa lý, dân cư, môi trường nơi có hoạt động hóa chất.

Nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Đánh giá sự ảnh hưởng của các điều kiện trên đối với công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

b) Dự báo nguy cơ, tình huống xảy ra sự cố hóa chất, xác định phạm vi ảnh hưởng, ước lượng hậu quả và nhận định phân cấp sự cố hóa chất.

c) Giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất tại khu vực tồn trữ hóa chất và tại các vị trí nguy cơ cao; giải pháp bảo quản, tránh thất thoát hóa chất.

d) Giải pháp ứng phó sự cố hóa chất tại các khu vực nguy cơ cao bao gồm các nội dung sau:

Phân vùng nguy hiểm, phương án triển khai lực lượng, phương tiện theo điều kiện địa hình, khí tượng.

Kỹ thuật, vật liệu ứng phó với các tình huống sự cố được nhận định.

Cách thức sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với đặc tính nguy hiểm của từng loại hóa chất xảy ra sự cố.

Kế hoạch phối hợp với các lực lượng ngoài cơ sở.

Kế hoạch sơ tán người, tài sản.

đ) Kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố hóa chất.

e) Phương án khắc phục hậu quả sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các nội dung quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều này là nội dung cơ bản của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 34. Thẩm định kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo mẫu quy định tại khoản 8 Điều này;

b) Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất gồm 09 bản.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan thẩm định qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Thời điểm gửi hồ sơ đề nghị thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định thông báo trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do;

c) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định Kế hoạch trong vòng 15 ngày làm việc. Việc thẩm định Kế hoạch được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định theo quy định khoản 4 Điều này;

d) Cơ quan thẩm định có trách nhiệm gửi thông báo kết quả thẩm định đến tổ chức, cá nhân trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định. Thông báo kết quả thẩm định phải thể hiện rõ kết luận của Hội đồng thẩm định về việc Kế hoạch đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo và các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân.

Trường hợp Kế hoạch không đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng và trình thẩm định lại Kế hoạch.

Trường hợp Kế hoạch đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định nêu tại Thông báo kết quả thẩm định;

đ) Đến thời điểm phê duyệt Kế hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo về kết quả thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định nêu tại Thông báo kết quả thẩm định, 01 bản điện tử và 07 bản in Kế hoạch đã được chỉnh sửa, bổ sung đến Hội đồng thẩm định thông qua cơ quan thẩm định;

e) Chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân, Hội đồng thẩm định tiến hành kiểm tra thực tế việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định nêu tại Thông báo kết quả thẩm định; báo cáo kết quả kiểm tra và kết luận kiến nghị phê duyệt hoặc không phê duyệt Kế hoạch;

g) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định, cơ quan phê duyệt Kế hoạch xem xét, phê duyệt Kế hoạch, trường hợp không phê duyệt Kế hoạch, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, cơ quan thẩm định chứng thực vào trang phụ bìa của bản Kế hoạch và gửi Quyết định phê duyệt kèm theo Kế hoạch cho tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương thực hiện dự án bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy cấp tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cấp tỉnh; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trong trường hợp địa điểm thực hiện dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

3. Thời điểm thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

a) Đối với dự án đầu tư, chủ đầu tư phải trình thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi có kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

Sau khi hoàn thành công trình xây dựng, chủ đầu tư báo cáo Hội đồng thẩm định để kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định và kiến nghị phê duyệt Kế hoạch. Chủ đầu tư chỉ được đưa công trình vào khai thác sử dụng sau khi Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được phê duyệt;

b) Đối với trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi thực hiện tồn trữ hóa chất.

4. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

a) Hội đồng thẩm định do cơ quan phê duyệt Kế hoạch thành lập. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện cơ quan thẩm định, các cơ quan quản lý nhà nước và các chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan;

b) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có), Ủy viên phản biện, Ủy viên thư ký và các Ủy viên. Tổng số thành viên Hội đồng tối thiểu là 07 người, tối đa là 09 người;

c) Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiến hành đánh giá, thẩm định Kế hoạch, kiểm tra thực tế việc thực hiện các yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định và chịu trách nhiệm về kết luận thẩm định, kiểm tra. Hội đồng thẩm định chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi Kế hoạch được phê duyệt;

d) Hội đồng thẩm định hoạt động theo nguyên tắc thảo luận tập thể giữa các thành viên trong Hội đồng và lập Biên bản theo mẫu quy định. Việc đánh giá Kế hoạch thực hiện thông qua phiếu đánh giá;

đ) Hội đồng thẩm định chỉ tiến hành họp khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Chỉ những thành viên Hội đồng tham gia họp Hội đồng thẩm định mới được tham gia bỏ phiếu đánh giá Kế hoạch;

e) Đối với họp thẩm định Kế hoạch, Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt kết luận thẩm định Kế hoạch theo nguyên tắc sau: Kế hoạch được thông qua không phải chỉnh sửa, bổ sung nếu có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham gia họp đồng ý thông qua và các thành viên còn lại đều đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; Kế hoạch không được thông qua nếu có trên 1/3 thành viên Hội đồng tham gia họp không đồng ý thông qua; các trường hợp khác, Kế hoạch được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;

g) Đối với kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định, Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt kết luận theo nguyên tắc sau: Kiến nghị phê duyệt Kế hoạch nếu có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra đồng ý phê duyệt; kiến nghị không phê duyệt Kế hoạch nếu có thấp hơn 2/3 thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra đồng ý phê duyệt.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

a) Trong quá trình hoạt động hóa chất, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đúng các yêu cầu đề ra tại Kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Lưu giữ Bản Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt tại cơ sở hóa chất làm căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở hóa chất và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

c) Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm cập nhật Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên cơ sở dữ liệu quốc gia không quá 30 ngày kể từ khi có quyết

định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, trừ trường hợp vì mục đích quốc phòng, an ninh.

6. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng;

c) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực dân sự đối với các đối tượng thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 33 của Nghị định này;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt dự án hóa chất, cơ sở hóa chất chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực dân sự đối với các đối tượng thuộc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 của Nghị định này.

7. Chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

8. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu theo quy định tại Điều này.

Điều 35. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất

1. Đối tượng phải xây dựng biện pháp:

a) Tổ chức, cá nhân có hoạt động tồn trữ hóa chất nguy hiểm trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Nghị định này phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, ra quyết định ban hành Biện pháp trước khi chính thức đưa vào hoạt động;

b) Tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển và mang theo trong quá trình vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

c) Tổ chức, cá nhân thuộc quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm cập nhật Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên cơ sở dữ liệu quốc gia không quá 30 ngày kể từ ngày ban hành biện pháp.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải có các nội dung sau đây:

a) Xác định, khoanh vùng và lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất cao;

b) Giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất; giải pháp bảo quản, tránh thất thoát hóa chất;

c) Các biện pháp, trang thiết bị và lực lượng ứng phó tại chỗ;

d) Các kịch bản, tình huống sự cố hóa chất và phương án xử lý tình huống sự cố hóa chất;

đ) Phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài để ứng phó sự cố hóa chất.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin về chủ đầu tư đơn vị vận chuyển, phương tiện vận chuyển, thông tin về hóa chất nguy hiểm được vận chuyển;

b) Dự báo nguy cơ, tình huống xảy ra sự cố hóa chất, các biện pháp, trang thiết bị, lực lượng ứng phó tại chỗ;

c) Kế hoạch kiểm tra, giám sát phương tiện vận chuyển và các giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất;

d) Phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài để ứng phó sự cố hóa chất.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 36. Thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành.
2. Tổ chức, cá nhân có tồn trữ hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục hóa chất phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành tại Phụ lục IV Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất có trách nhiệm tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất định kỳ hằng năm và thực hiện chế độ cập nhật hoạt động diễn tập ứng phó sự cố hóa chất trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.
3. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải điều chỉnh Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thay đổi mở rộng quy mô, thay đổi dây chuyền công nghệ, trang thiết bị sản xuất, sử dụng, tồn trữ của dự án, cơ sở tồn trữ hóa chất mà thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Nghị định này;
 - b) Bổ sung chủng loại hoặc nâng khối lượng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm đối với hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục hóa chất phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.
4. Việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch điều chỉnh được thực hiện như lần đầu.
5. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân đã được phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất có thay đổi mở rộng quy mô, thay đổi dây chuyền công nghệ, trang thiết bị sản xuất, sử dụng, tồn trữ của dự án, cơ sở tồn trữ hóa chất nhưng không liên quan đến hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục hóa chất phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất thì phải xây dựng và ban hành biện pháp cho các hạng mục thay đổi.
6. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Nghị định này, tổ chức, cá nhân phải bổ sung, chỉnh sửa Biện pháp.
7. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động dẫn đến thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Nghị định này, tổ chức, cá nhân phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.
8. Hạng mục thay đổi của dự án, cơ sở hóa chất chỉ được đưa vào hoạt động sau khi Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành.
9. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết nội dung, quy trình tổ chức, hồ sơ diễn tập ứng phó sự cố hóa chất được quy định tại Điều này.

NGHỊ ĐỊNH SỐ: 26/2026/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT VÀ HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa bao gồm:

1. Khoản 5 Điều 2 về các tiêu chí cụ thể đối với “chất độc”.
2. Khoản 5 Điều 10 về các yêu cầu đối với tổ chức sản xuất hóa chất; về việc thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.
3. Khoản 5 Điều 11 về các yêu cầu đối với tổ chức kinh doanh hóa chất.
4. Khoản 7 Điều 12 về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm nhập, chuyển khẩu, quá cảnh và hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đối với hóa chất.

5. Khoản 7 Điều 14 về nghĩa vụ tổ chức, cá nhân tồn trữ hóa chất; quy định nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
6. Khoản 5 Điều 15 về công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.
7. Khoản 2 Điều 18 về các trường hợp được miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
8. Khoản 2 Điều 19 về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
9. Khoản 3 Điều 20 về lộ trình xây dựng Danh mục hóa chất quốc gia và thừa nhận danh mục hóa chất nước ngoài; về trình tự, thủ tục đăng ký hóa chất mới.
10. Khoản 2 Điều 21 về các tổ chức đánh giá hóa chất mới.
11. Khoản 4 Điều 22 về đăng ký, quản lý hóa chất mới.
12. Khoản 4 Điều 26 về bảo mật thông tin liên quan đến bí quyết công nghệ, bí mật thương mại và thông tin bảo mật khác.
13. Khoản 4 Điều 28 về nghĩa vụ cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất.
14. Khoản 9 Điều 29 về chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.
15. Khoản 7 Điều 31 về danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa cần công bố thông tin; quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất; thực hiện công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
16. Khoản 3 Điều 32 về cách thức và thông tin công bố hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hóa chất Bảng là hóa chất được kiểm soát theo quy định của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và được ban hành tại Danh mục của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất. Hóa chất Bảng bao gồm chất thuộc Danh mục và hỗn hợp chất chứa chất thuộc Danh mục.
2. Tiền chất công nghiệp là các hóa chất được sử dụng làm nguyên liệu, dung môi, chất xúc tiến trong sản xuất, nghiên cứu khoa học, phân tích, kiểm nghiệm, đồng thời là các hóa chất cần thiết trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành.
3. CAS (Chemical Abstracts Service) là mã số định danh duy nhất cho các nguyên tố hóa học, các hợp chất hóa học, các polyme, các chuỗi sinh học, các hỗn hợp và các hợp kim.
4. Chất độc quy định tại khoản 5 Điều 2 của Luật Hóa chất có một trong các tiêu chí theo nguyên tắc phân loại của GHS sau:
 - a) Độc cấp tính cấp 1;
 - b) Tồn thương nghiêm trọng, kích ứng mắt cấp 1;
 - c) Ăn mòn, kích ứng da cấp 1A;
 - d) Tác nhân gây ung thư cấp 1A;
 - đ) Độc biến tế bào mầm cấp 1A;
 - e) Độc tính sinh sản cấp 1A;

g) Nguy hại môi trường cấp 1.

5. GHS là tên viết tắt của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (Globally Harmonized System of Classification and Labelling of Chemicals).

6. Xác thực, định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất là hoạt động giám sát, quản lý một đơn vị sản phẩm về hóa chất qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình hoạt động hóa chất.

Điều 4. Điều kiện chung về đảm bảo an toàn trong sản xuất hóa chất

1. Tổ chức sản xuất hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

3. Nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất. Các biển báo thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất phải có các thông tin: Mã nhận dạng hóa chất; hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ. Hình đồ cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm (nếu có).

4. Có Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được tổ chức ban hành theo quy định tại Điều 33, 34, 35, 36 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

5. Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất và khối lượng hóa chất tồn trữ tại cơ sở.

6. Công nghệ sản xuất hóa chất phải đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ.

7. Hóa chất trong kho phải được bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, đảm bảo yêu cầu an toàn, thuận lợi cho công tác ứng phó sự cố hóa chất.

8. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có trình độ chuyên môn phù hợp với quy mô và loại hình sản xuất hóa chất, nắm vững công nghệ, phương án và các biện pháp bảo đảm an toàn hóa chất;

b) Các đối tượng quy định tại Điều 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất tại cơ sở sản xuất phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

9. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 5. Điều kiện chung về đảm bảo an toàn trong kinh doanh hóa chất

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này hoặc thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất trong kho phải tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có trình độ chuyên môn phù hợp với quy mô và loại hình kinh doanh hóa chất, nắm vững phương án và các biện pháp bảo đảm an toàn hóa chất;

b) Các đối tượng quy định tại Điều 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất tại cơ sở kinh doanh phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 6. Khai báo hóa chất nhập khẩu

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất thuộc các chương 28 và chương 29 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phải có trách nhiệm thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu trước khi thông quan qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu

a) Các thông tin khai báo trên Cổng thông tin một cửa quốc gia bao gồm các thông tin tổ chức, cá nhân khai báo, các thông tin hóa chất nhập khẩu;

b) Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài;

c) Phiếu an toàn hóa chất;

d) Trường hợp đối với mặt hàng phi thương mại không có hóa đơn thương mại, tổ chức, cá nhân khai báo hóa chất có thể sử dụng giấy báo hàng về cảng thay cho hóa đơn thương mại.

3. Tạo tài khoản truy cập và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia

a) Tổ chức, cá nhân tạo tài khoản đăng nhập theo mẫu quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, bao gồm các thông tin, tệp tin đính kèm;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện khai báo hóa chất thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thông tin khai báo được tự động chuyển đến hệ thống cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương, khi đó hệ thống của Bộ Công Thương sẽ tự động phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tới các tổ chức, cá nhân khai báo và cơ quan Hải quan;

c) Thông tin phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu có giá trị pháp lý để làm thủ tục thông quan. Sau khi hóa chất được thông quan, hệ thống của cơ quan Hải quan gửi phản hồi trạng thái thông quan gồm thông tin tờ khai, hóa chất, khối lượng hóa chất thông quan qua hệ thống của Bộ Công Thương;

d) Thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định.

4. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin khai báo theo biểu mẫu có sẵn trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các văn bản, chứng từ, dữ liệu điện tử trong bộ hồ sơ khai báo hóa chất qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp thông tin khai báo không chính xác, hồ sơ khai báo hóa chất điện tử là cơ sở để tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng hệ thống quản lý tiếp nhận thông tin khai báo; chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan kiểm tra tổ chức, cá nhân hoạt động khai báo hóa chất.

6. Dữ liệu nhập khẩu hóa chất của tổ chức, cá nhân được Bộ Công Thương chia sẻ với các cơ quan quản lý ngành ở địa phương thông qua Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

7. Các trường hợp miễn trừ khai báo

a) Nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu;

b) Nhập khẩu hóa chất cấm khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu;

- c) Nhập khẩu dưới 10 kg hóa chất thuộc khoản 1 Điều này;
- d) Nhập khẩu dưới 01 kg hóa chất mới để thử nghiệm, đánh giá đặc tính hóa lý;
- đ) Nhập khẩu hỗn hợp chất không thuộc các chương 28 và chương 29 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành có chứa hóa chất thuộc các chương 28 và chương 29.

Mục 2. HÓA CHẤT CÓ ĐIỀU KIỆN**Điều 7. Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện**

- 1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
- 2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;
 - b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất có điều kiện.
- 3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định này.
- 4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất
 - a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;
 - b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.
- 5. Năng lực chuyên môn
 - a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;
 - b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.
- 6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 8. Điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện

- 1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
- 2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này.
- 3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất
 - a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;
 - b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.
- 4. Năng lực chuyên môn
 - a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;
 - b) Đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định này.
- 5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

- 1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện;
- b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;
- c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);
- d) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất có điều kiện;
- đ) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất;
- e) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất;
- g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- h) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;
- c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);
- d) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của kho chứa hóa chất;
- đ) Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh;
- e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- g) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

- c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);
- d) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất có điều kiện;
- đ) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh hóa chất;
- e) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh;
- g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- h) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh.
4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có thẩm quyền thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện cho tổ chức.
5. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện
- a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;
- c) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;
- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh;

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi thuê dịch vụ tồn trữ có trách nhiệm kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện;

đ) Sau khi cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận lần đầu qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; chủng loại, hàm lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận lần gần nhất qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy chứng nhận.

8. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

9. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Điều 10. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức chỉ được xuất khẩu hóa chất có điều kiện theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Tổ chức chỉ được nhập khẩu hóa chất có điều kiện với mục đích kinh doanh theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất có điều kiện với mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân đó phải công bố mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất và không cần Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.
4. Ngoài hồ sơ theo pháp luật về hải quan, khi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện với mục đích kinh doanh, tổ chức phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Mục 3. HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 11. Điều kiện sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;
 - b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
3. Công nghệ đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định này.
4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất
 - a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;
 - b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.
5. Năng lực chuyên môn
 - a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;
 - b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.
6. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm gia, giám sát).
7. Chỉ được sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 của Luật Hóa chất.
8. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 12. Điều kiện kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;
 - b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực lưu trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất
 - a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định này.

5. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm gia, giám sát).

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;

c) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

d) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

đ) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép sản xuất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 9 của Nghị định này;

c) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

d) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 3 Điều 9 của Nghị định này;

c) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

d) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

đ) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh.

4. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy phép

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất để cấp Giấy phép;

Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

d) Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

8. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

9. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải tuân thủ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Luật Hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải có Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là điều kiện để thông quan khi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Tổ chức, cá nhân phải lập tài khoản trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất và công bố mục đích sử dụng khi thực hiện việc nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích sử dụng sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác.

4. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- b) Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài;
- c) Phiếu an toàn hóa chất;
- d) Báo cáo về tình hình xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán và sử dụng, tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 theo các Giấy phép đã được cấp;
- đ) Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với trường hợp tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất;
- e) Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với trường hợp tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ mục đích kinh doanh;
- g) Trường hợp xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là hóa chất Bảng 3 thuộc Phụ lục III của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất phải có bản sao Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu không phải là quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép

- a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này gửi qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp phát sinh sự cố hệ thống, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp;
- b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thông báo đề tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;
- c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;
- d) Trường hợp xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp thuộc Phụ lục III của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất từ Việt Nam sang nước ngoài phải có văn bản chấp thuận của Bộ Công an.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra hồ sơ và gửi Bộ Công an những thông tin về tên, địa chỉ tổ chức đề nghị cấp phép xuất khẩu; tên gọi, hàm lượng, số lượng tiền chất; tên, địa chỉ tổ chức nhập khẩu; tên cửa khẩu có hàng xuất khẩu đi qua để ra thông báo tiền xuất khẩu đối với lô hàng cho cơ quan chức năng của nước nhập khẩu. Trường hợp Bộ Công an không thông qua yêu cầu thông báo tiền xuất khẩu thì cơ quan cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- đ) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

- a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn Giấy phép

a) Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm đ khoản 6 Điều này nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần;

b) Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 05 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

c) Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối gia hạn trên hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia và nêu rõ lý do;

đ) Giấy phép được gia hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

10. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sản xuất hàng hóa, dịch vụ có nghĩa vụ công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất trước 30 ngày khi đưa hóa chất vào sử dụng lần đầu hoặc khi thay đổi mục đích sử dụng đã công bố.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Mục 4. HÓA CHẤT CẤM

Điều 16. Điều kiện sản xuất hóa chất cấm

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cấm là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm.

3. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất cấm.

4. Công nghệ phải tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định này.

5. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 thuộc Phụ lục III của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều

chính của Luật Hóa chất với mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm hoặc quốc phòng, an ninh tại cơ sở quy mô đơn lẻ phải đáp ứng các quy định sau:

- a) Việc sản xuất được thực hiện trong các thiết bị phản ứng không cấu thành sản xuất liên tục;
- b) Dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít.

6. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở khác với cơ sở quy mô đơn lẻ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, phải đáp ứng quy định về cơ sở sản xuất và quy mô sản xuất cho các mục đích cụ thể như sau:

- a) Quốc phòng, an ninh: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;
- b) Nghiên cứu, y tế hoặc dược phẩm: một cơ sở sản xuất với sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với một hóa chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;
- c) Phòng thí nghiệm: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 100 gam/năm.

7. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

- a) Hóa chất cấm phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;
- b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

8. Năng lực chuyên môn

- a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;
- b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.

9. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

10. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 17. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép, nội dung Giấy phép sản xuất hóa chất cấm

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm sử dụng trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm;
- b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, e, g khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;
- c) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất cấm;
- d) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm và bản cam kết sản xuất hóa chất cấm cho một hoặc một số mục đích đặc biệt được quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư, bao gồm phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh;
- đ) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cấm đề nghị cấp Giấy phép sản xuất.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy phép

- a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Giấy phép sản xuất hóa chất cấm có thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp lại Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định các nội dung điều chỉnh và cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

6. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

7. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Điều 18. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cấm

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm cho tổ chức, cho phép xuất khẩu hoặc tiêu hủy hóa chất cấm theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Luật Hóa chất.

2. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

a) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm;

c) Có các thông tin cảnh báo cần thiết tại nơi tồn trữ hóa chất cấm, nội quy về an toàn hóa chất, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất cấm tại khu vực tồn trữ, sản xuất;

d) Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất;

đ) Có kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phương tiện bảo đảm an toàn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

3. Điều kiện xuất khẩu hóa chất cấm:

- a) Tổ chức không sử dụng hết hóa chất cấm theo thời hạn sử dụng quy định tại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- b) Chỉ được thực hiện xuất khẩu khi có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Trường hợp không xuất khẩu, tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện tiêu hủy hóa chất cấm. Việc tiêu hủy phải đảm bảo an toàn môi trường, an toàn lao động và lập hồ sơ theo dõi.

4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm;
- b) Bản sao Giấy phép sản xuất hóa chất cấm đã được cấp;
- c) Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài, trong đó ghi rõ tên, số lượng hàng hóa, thời gian và quốc gia xuất khẩu;
- d) Bản cam kết mục đích sử dụng hóa chất cấm cho nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;
- đ) Phiếu an toàn hóa chất;
- e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu, sử dụng và tồn trữ hóa chất cấm theo các Giấy phép đã được cấp.

5. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

- a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;
- c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;
- d) Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

- a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;
- c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp lại Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;
- d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

- a) Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép; Giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

8. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Mục 5. DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT

Điều 19. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.

5. Tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại Điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41 của Luật Hóa chất.

6. Chỉ được tồn trữ theo đúng quy mô, loại hóa chất theo Giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 20. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của kho tồn trữ hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của kho tồn trữ hóa chất;

đ) Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất;

e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

g) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm theo đơn đề nghị cấp phép.

2. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa hóa chất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Cơ quan có thẩm quyền cấp gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

d) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định:

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất để lấy ý kiến. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các kho tồn trữ hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản về việc đã đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Cơ quan có thẩm quyền cấp gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

đ) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy chứng nhận cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đã cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của kho tồn trữ hóa chất; quy mô, hóa chất tồn trữ, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục, thời hạn như cấp mới Giấy chứng nhận.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

8. Bộ Công Thương xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết việc thực hiện quy định về điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

9. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

10. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Mục 6. MIỄN TRỪ, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP

Điều 21. Các trường hợp miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép sản xuất, kinh doanh đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nồng độ dưới 0,1% (<0,1%) khối lượng của hỗn hợp chất.

2. Miễn trừ cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 có nồng độ dưới 1% (<1%) khối lượng của hỗn hợp chất, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 có nồng độ dưới 5% (<5%) khối lượng của hỗn hợp chất.

3. Miễn trừ cấp Giấy phép sản xuất, nhập khẩu đối với hóa chất cấm có nồng độ dưới 0,1% (<0,1%) khối lượng của hỗn hợp chất.

4. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép sản xuất đối với việc sản xuất, pha chế hóa chất nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân thực hiện việc sản xuất, pha chế.

5. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động tồn trữ đối với tổ chức có hoạt động cho thuê đất không bao gồm cơ sở vật chất để tồn trữ hóa chất; tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nồng độ dưới 0,1% (<0,1%) khối lượng của hỗn hợp chất.

6. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh đối với hóa chất có điều kiện và Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trong trường hợp hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt chứa trong các sản phẩm sau đây:

- Dược phẩm; chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng; thực phẩm; mỹ phẩm;
- Thức ăn chăn nuôi; thức ăn thủy sản; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, phân bón hóa học là phân bón hỗn hợp, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón khoáng sinh học; sản phẩm bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;
- Chất phóng xạ; vật liệu xây dựng; sơn, mực in;
- Các sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực gia dụng bao gồm keo dán, sản phẩm tẩy rửa, hóa mỹ phẩm;
- Xăng, dầu theo quy định pháp luật về xăng, dầu; condensate, naphta sử dụng trong chế biến xăng dầu;
- Pin, ắc quy, thiết bị y tế, thiết bị thí nghiệm.

Điều 22. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận; Giấy phép đã cấp cho tổ chức, cá nhân.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Luật Hóa chất thực hiện như sau:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép, cơ quan cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 19 của Luật Hóa chất thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra trong đó có kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép hoặc phát hiện các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 19 của Luật Hóa chất, cơ quan cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép thuộc thẩm quyền quản lý; trường hợp không thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép phải có văn bản trả lời cho cơ quan kiến nghị thu hồi và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi, tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép phải nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận, Giấy phép đến cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép, trừ trường hợp cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết.

4. Quyết định thu hồi được gửi đến tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép và thông báo cho các cơ quan liên quan để phối hợp giám sát, quản lý.

THÔNG TƯ SỐ: 01/2026/TT-BCT QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2026/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA

LUẬT HÓA CHẤT VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT VÀ HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về:

- a) Phân cấp thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2;
- b) Nội dung, biểu mẫu phiếu an toàn hóa chất;
- c) Lập sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- d) Biểu mẫu, thời hạn, phương thức và lộ trình thực hiện lập phiếu, soát mục, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;
- đ) Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa cần công bố thông tin trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;
- e) Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục hành chính bao gồm: cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm; sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; mẫu phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; đăng ký hóa chất mới; thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.
- g) Biểu mẫu đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;
- h) Mẫu thông tin chia sẻ dữ liệu quản lý về hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;
- i) Nguyên tắc phân loại hóa chất;
- k) Quy định hóa chất không được sử dụng trong ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;
- l) Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các hoạt động liên quan đến hóa chất trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 gồm các hóa chất nhóm 1 được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 24/2026/NĐ-CP.
2. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 gồm các hóa chất nhóm 2 được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 24/2026/NĐ-CP.

Điều 3. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về hóa chất trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương**1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính:**

- a) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 và không sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1;

b) Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

2. Cục Hóa chất

a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế đối với thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm trong lĩnh vực công nghiệp; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

b) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, tổ chức sản xuất, kinh doanh đồng thời nhóm 1 và nhóm 2;

c) Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1;

d) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định;

đ) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hóa chất mới;

e) Tiếp nhận thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu.

Điều 4. Tổ chức thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện các quy trình sau:

a) Trường hợp tổ chức chỉ có hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính và không có sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương khác:

Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

b) Trường hợp tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương khác với địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

2. Trường hợp tổ chức đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 và Giấy phép đang còn hiệu lực nhưng tổ chức có nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép về Cục Hóa chất. Cục Hóa chất thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Sau khi cấp phép, trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp phép cập nhật Giấy phép trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phối hợp theo dõi, quản lý.

Điều 5. Nội dung, mẫu phiếu an toàn hóa chất

1. Phiếu an toàn hóa chất bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp;
- b) Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất;
- c) Thông tin về thành phần các chất;
- d) Biện pháp sơ cứu về y tế;
- e) Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn;
- f) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố;
- g) Yêu cầu về sử dụng, bảo quản;
- h) Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân;
- i) Đặc tính lý, hóa của hóa chất;
- k) Mức ổn định và phản ứng của hóa chất;
- l) Thông tin về độc tính;
- m) Thông tin về sinh thái;
- n) Thông tin về thải bỏ;
- o) Thông tin khi vận chuyển;
- p) Thông tin về pháp luật;
- q) Các thông tin cần thiết khác.

2. Mẫu phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Các biểu mẫu sử dụng trong quản lý hóa chất

1. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Mẫu 02a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm;
- b) Mẫu 02b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm;
- c) Mẫu 02c: Mẫu Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm.

2. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Mẫu 03a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm;
- b) Mẫu 03b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm;
- c) Mẫu 03c: Mẫu Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

3. Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Các biểu mẫu liên quan đến thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Mẫu 06a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- b) Mẫu 06b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- c) Mẫu 06c: Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

6. Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 07a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Mẫu 07b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

c) Mẫu 07c: Mẫu Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

7. Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này

8. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 10a: Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

b) Mẫu 10b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

c) Mẫu 10c: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

10. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 11a: Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

b) Mẫu 11b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Mẫu 11c: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

11. Các biểu mẫu đăng ký hóa chất mới được quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 12a: Văn bản đăng ký hóa chất mới;

b) Mẫu 12b: Báo cáo tóm tắt đánh giá hóa chất mới;

c) Mẫu 12c: Xác nhận đăng ký hóa chất mới.

12. Mẫu thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 13a: Mẫu thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Mẫu 13b: Mẫu phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

13. Biểu mẫu về đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Nguyên tắc phân loại hóa chất

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất có nghĩa vụ phân loại hóa chất theo hướng dẫn tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này hoặc theo nguyên tắc phân loại Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) từ phiên bản 2 năm 2007 trở lên.

Điều 8. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tổ chức kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu tại Phụ lục IX được ban hành kèm theo Thông tư này, thông qua hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên nền tảng định danh, xác thực điện tử do Bộ Công an quản lý.

2. Cục Hóa chất có trách nhiệm đảm bảo cơ sở hạ tầng để tiếp nhận nội dung phiếu kiểm soát mua bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt về Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất, kể từ ngày hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được công bố chính thức.

THÔNG TƯ SỐ: 02/2026/TT-BCT QUY ĐỊNH MỘT SỐ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HÓA CHẤT VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2026/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ AN TOÀN, AN NINH HÓA CHẤT

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất, bao gồm:

1. Ghi mã số chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất
2. Biểu mẫu sử dụng trong cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất.
3. Nội dung của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.
4. Biểu mẫu sử dụng trong thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.
5. Nội dung, quy trình, biểu mẫu và hồ sơ diễn tập ứng phó sự cố hóa chất.
6. Phân cấp thực hiện thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động liên quan đến hóa chất trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Ghi mã số chứng chỉ, biểu mẫu sử dụng trong cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Ghi mã số chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất
 - a) Mã số chứng chỉ cấp mới được ghi theo số định danh cá nhân đối với công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc số giấy phép lao động hoặc số giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài;
 - b) Mã số chứng chỉ cấp điều chỉnh được ghi theo cấu trúc: (Mã số chứng chỉ cấp mới).XX, trong đó XX là thứ tự số lần điều chỉnh;
 - c) Mã số chứng chỉ cấp lại được ghi theo mã số chứng chỉ được cấp lần gần nhất trước đó.
2. Các biểu mẫu sử dụng trong cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:
 - a) Mẫu 01a: Mẫu văn bản đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất;
 - b) Mẫu 01b: Mẫu giấy xác nhận quá trình công tác;
 - c) Mẫu 01c: Mẫu bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành;
 - d) Mẫu 01d: Mẫu quyết định thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất.

Điều 4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Nội dung của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Các biểu mẫu sử dụng trong thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:
 - a) Mẫu 03a: Mẫu văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
 - b) Mẫu 03b: Mẫu biên bản và thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

- c) Mẫu 03c: Mẫu phiếu nhận xét, đánh giá Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các thành viên Hội đồng thẩm định;
- d) Mẫu 03d: Mẫu báo cáo về kết quả thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định;
- đ) Mẫu 03đ: Mẫu biên bản và báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định;
- e) Mẫu 03e: Mẫu dấu chứng thực vào trang phụ bì của bản Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được phê duyệt.

3. Cục Hóa chất thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực dân sự đối với các đối tượng thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 33 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP.

Điều 5. Diễn tập ứng phó sự cố hóa chất

1. Nội dung diễn tập ứng phó sự cố hóa chất phải có các nội dung sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm tổ chức diễn tập;
- b) Tình huống giả định diễn tập;
- c) Quy trình thực hiện ứng phó đối với tình huống giả định;
- d) Thông tin về đơn vị phối hợp, lực lượng trực tiếp tham gia diễn tập, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác diễn tập.

2. Quy trình tổ chức thực hiện diễn tập ứng phó sự cố hóa chất được thực hiện như sau:

- a) Xây dựng kịch bản tổng thể tổ chức diễn tập bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Sau khi xây dựng kịch bản tổ chức diễn tập, tổ chức, cá nhân thực hiện diễn tập xây dựng các bài tập thực hành cụ thể cho các lực lượng tham gia diễn tập theo kịch bản tổng thể đã được xây dựng;
- c) Tổ chức tập luyện, hợp luyện cho các lực lượng tham gia diễn tập trong trường hợp cần thiết;
- d) Tổ chức diễn tập theo kịch bản tổng thể đã được xây dựng;
- đ) Tổng kết, rút kinh nghiệm;
- e) Lập báo cáo tổ chức diễn tập;
- g) Thực hiện chế độ cập nhật hồ sơ diễn tập trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất và lưu trữ hồ sơ diễn tập tối thiểu 03 năm kể từ ngày kết thúc tổ chức diễn tập.

3. Hồ sơ diễn tập ứng phó sự cố hóa chất bao gồm:

- a) Kịch bản tổng thể diễn tập ứng phó sự cố hóa chất;
- b) Danh sách lực lượng, phương tiện tham gia diễn tập ứng phó sự cố hóa chất;
- c) Báo cáo tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất thực hiện theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

PHẦN II

CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT CỦA CƠ SỞ

1. Dự báo các điểm nguy cơ

Bảng 2.1 Danh sách các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất

STT	Tên hóa chất	Nguy cơ sự cố (Tên sự cố hóa chất)	Số người dự kiến có mặt trong khu vực	Nguyên nhân, điều kiện xảy ra sự cố
1	Kho hóa chất, khu vực chứa hóa chất			
	NaOH, Hydrex 2250, Hydrex 4601, C ₁₂ H ₂₆	Tràn, đổ, rò rỉ	2	- Do thao tác của nhân viên không đúng kỹ thuật, không tuân thủ các quy định về an toàn làm việc với hóa chất này - Do hệ thống giá/kệ chứa bị hỏng hay gặp phải sự cố do: chứa quá tải trọng quy định, việc sắp xếp/đặt để giá không đúng kỹ thuật, giá đã dùng quá lâu, bị ăn mòn bởi các loại hóa chất khác...; - Do thiết bị chứa bị hỏng do dùng lâu ngày hoặc không đạt tiêu chuẩn - Do ảnh hưởng từ các sự cố với các hóa chất khác; - Do các sự cố bất ngờ: cháy, nổ, bão, động đất...
	CH ₃ OH, C ₁₂ H ₂₆	Tràn, đổ, rò rỉ dẫn đến nguy cơ cháy nổ	2	- Do thao tác của nhân viên không đúng kỹ thuật, không tuân thủ các quy định về an toàn làm việc với hóa chất này - Do hệ thống thiết bị sử dụng lâu ngày dẫn đến bị ăn mòn tại các vị trí nối, hàn nối - Do va đập, tai nạn hoặc ảnh hưởng từ các sự cố khác - Do các sự cố bất ngờ như: cháy, nổ, bão, động đất
	Ethalon, Chất tẩy rửa, vệ sinh + dung môi, Gasket Stripper CRC	Rò rỉ dẫn đến nguy cơ cháy nổ	2-5	- Do thao tác của nhân viên không đúng kỹ thuật, không tuân thủ các quy định về an toàn làm việc với hóa chất này. - Do va đập, tai nạn hoặc ảnh hưởng từ các sự cố khác - Do các sự cố bất ngờ như: cháy, nổ, bão, động đất
	Chất tẩy rửa, vệ sinh + dung môi, Gasket Stripper CRC, CH ₃ OH.	Rò rỉ, phát tán gây độc	1-2	- Do thao tác của nhân viên không đúng kỹ thuật, không tuân thủ các quy định về an toàn làm việc với hóa chất này; - Do hệ thống giá/kệ chứa bị hỏng hay gặp phải sự cố do: chứa quá tải trọng quy định, việc sắp xếp/đặt để giá không đúng kỹ thuật, giá đã dùng quá lâu, bị ăn mòn bởi các loại hóa chất khác, do va chạm với xe nâng trong quá trình vận hành...; - Do thiết bị chứa bị hỏng do dùng lâu ngày hoặc không đạt tiêu chuẩn - Do ảnh hưởng từ các sự cố với các hóa chất khác; - Do các sự cố bất ngờ: cháy, nổ, bão, động đất...

2	Trên đường vận chuyển nội bộ			
	Tất cả các loại hóa chất	Tràn đổ, rò rỉ dẫn tới nguy cơ cháy nổ và phát tán độc các loại hóa chất độc hại	Tùy vào vị trí có thể từ 1 đến 2 người	- Do thao tác của nhân viên không đúng kỹ thuật, do bất cẩn, không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển; - Do va chạm với xe quá trình vận hành...; - Do các nguyên nhân khách quan khác
3	Tại vị trí sử dụng hóa chất			
	Tất cả các loại hóa chất	Tràn đổ, rò rỉ dẫn tới nguy cơ cháy nổ và phát tán độc các loại hóa chất độc hại	Tùy vào các vị trí có thể từ 1 đến 5 người	- Do thao tác của nhân viên không đúng kỹ thuật, không tuân thủ các quy định về an toàn làm việc với hóa chất này; - Do thiết bị chứa bị hỏng do dùng lâu ngày hoặc không đạt tiêu chuẩn - Do ảnh hưởng từ các sự cố với các hóa chất khác; - Do các sự cố bất ngờ: cháy, nổ, bão, động đất...
4	Khu xử lý nước thải			
	Các hóa chất sử dụng để xử lý nước thải	Tràn đổ, rò rỉ dẫn đến các nguy cơ cháy nổ và phát tán độc các loại hóa chất độc hại	1	- Do thao tác của nhân viên không đúng kỹ thuật, không tuân thủ các quy định về an toàn làm việc với hóa chất này; - Do thiết bị chứa bị hỏng do dùng lâu ngày hoặc không đạt tiêu chuẩn - Do ảnh hưởng từ các sự cố với các hóa chất khác; - Do các sự cố bất ngờ: cháy, nổ, bão, động đất...

Bảng 2.2. Các tình huống sự cố hóa chất có thể xảy ra

STT	Tên sự cố	Diễn biến
1	Tràn đổ, rò rỉ hóa chất gây cháy	* Tình huống giả định - Trong quá trình hoạt động, do sơ ý trong vận chuyển, sắp xếp và kiểm tra mà có một số can chứa methanol bị rò rỉ. Khi sự cố chưa được phát hiện thì tại khu vực kho chứa xảy ra sự cố chập điện khiến lượng methanol rò rỉ bắt cháy. Ngọn lửa bốc cao và nhanh chóng lan rộng ra toàn bộ khu vực kho. * Phạm vi ảnh hưởng của sự cố: - Kho hóa chất của Trung tâm chứa chủ yếu là methanol, chất tẩy rửa, và chất chống rêu cặn. Trong đó, lượng lưu trữ lớn nhất tại một thời điểm là 180 kg methanol. Đây là loại hóa chất dễ cháy và khi cháy thì gây rất nhiều khó khăn cho việc chữa cháy do khả năng bay hơi cao, dễ bắt lửa, dễ bám dính lên các bề mặt vật liệu và khi cháy sinh ra các chất độc hại đối với con người. - Diện tích vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố nhanh chóng lan truyền gây ảnh hưởng trực tiếp tới các khu vực này và có thể dẫn tới các sự cố dây chuyền còn nguy hiểm hơn nếu không được kiểm soát kịp thời. Ngoài ra, việc cháy kho sẽ gây thiệt hại về vật chất (hoặc có thể cả thiệt hại về người) cho Trung tâm, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới việc xử lý nước thải do thiếu Methanol.
2	Rò rỉ hóa chất gây phát tán hóa chất độc hại	* Tình huống giả định - Do quá trình thao tác của nhân viên, do sơ ý trong quá trình lưu trữ hóa chất tẩy rửa dưới dạng bình xịt bị rò rỉ phát tán ra. Các khu vực lưu trữ loại hóa chất này thường là các khu vực trong phòng kín. Tại thời điểm

		xảy ra sự cố, trung tâm hoạt động bình thường, có 2 người có mặt tại khu vực sự cố. * Phạm vi ảnh hưởng của sự cố: (Tạo thành vũng hóa chất bốc hơi) Vùng hơi gây độc - Trong phạm vi phòng kín, nồng độ hơi hóa chất quá cao sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe và tính mạng của nạn nhân và có nguy cơ cháy nổ cao. Nên nếu sự cố không được phát hiện và kiểm soát kịp thời thì từ những sự cố đơn lẻ nêu trên sẽ dẫn tới sự cố dây chuyền lan ra cả Trung tâm thì việc kiểm soát và xử lý sự cố sẽ trở nên phức tạp hơn rất nhiều.
3	Tràn, đổ hóa chất gây ảnh hưởng tới con người và môi trường	* Tình huống giả định Trong quá trình vận chuyển, sắp xếp, do sơ ý của người vận chuyển hóa chất bị rơi đổ làm vỡ can nhựa toàn bộ hóa chất trong can nhựa bắn, chảy ra ngoài. * Khu vực ảnh hưởng Có 1 đến 2 người có thể bị hóa chất đổ, bắn vào người. Hóa chất chảy ra ngoài làm ảnh hưởng khu vực 10 m² đến 15 m². Nếu không xử lý kịp thời thì có thể dẫn đến nguy hiểm tính mạng, ảnh hưởng tới môi trường và có thể xảy ra các rủi ro khó lường khác.

2. Những mối nguy về sức khỏe

Nhiều mối nguy khác nhau liên quan đến các chất hóa học trong nhà máy. Nguy cơ được sắp đặt bởi bất kỳ vật liệu đặc biệt nào là một chức năng của:

- Tính nghiêm trọng của mối nguy – là tính độc hại vốn có của hóa chất, điều đó có nghĩa là “sức mạnh” của nó là nguyên nhân gây hại cho sức khỏe.
- Sự phơi nhiễm – có khả năng xảy ra, với thời gian và mức độ phơi nhiễm (hít phải, ngấm qua da, nuốt phải) với nhiều trạng thái khác nhau của hóa chất (thể khí, hơi, lỏng, bụi lơ lửng hay dạng bột cứng ...)
- Sự mẫn cảm hay tính nhạy cảm của từng cá nhân – Nói chung, có thể có một mức độ nhạy cảm của từng cá nhân phơi nhiễm với các tác nhân hóa học khác nhau. Ngoài ra, một số cá nhân có thể trở nên được cảm thụ với hóa chất nào đó sau khi đã tiếp xúc qua, và sau đó sẽ biểu hiện những phản ứng của sức khỏe để kháng lại tại những mức độ phơi nhiễm mà không ảnh hưởng nhiều đến các cá nhân đó.

Nhiều hóa chất khác nhau cũng liên quan đến những mối nguy về sức khỏe khác nhau. Nhìn chung, có 2 dạng ảnh hưởng có hại đến sức khỏe: Cấp tính (nguy hiểm xảy ra trong quá trình tiếp xúc hoặc sau khi tiếp xúc) và Mãn tính (nguy hiểm xảy ra sau một thời gian dài đã tiếp xúc thường xuyên, ví dụ nhiều tháng hay nhiều năm)

Với 2 dạng ảnh hưởng này, hóa chất ảnh hưởng đến nhân loại theo nhiều mức độ:

- Gây ung thư – do phơi nhiễm một số hóa chất có thể làm phát triển các tế bào ung thư ở một hay nhiều tế bào hoặc cơ thể con người.
- Gây ăn mòn – do phơi nhiễm với hóa chất gây ra bỏng cấp tính, gây loét và làm tổn thương mô ở mắt, da và đường hô hấp.
- Gây viêm – do phơi nhiễm hóa chất có thể gây rát và khó chịu cho da, mắt, đường hô hấp và bị viêm da (thông thường có thể hồi phục được)
- Gây độc hại đối với các bộ phận đặc biệt trong cơ thể - có vài hóa chất biểu hiện độc tính của nó với một số cơ quan đặc biệt như gan, thận, phổi, máu, mắt, tai, hệ thần kinh, và bao gồm hệ sinh sản và các bào thai đang phát triển.
- Gây mẫn cảm – do phơi nhiễm với hóa chất có thể gây nên các dị ứng da và hệ hô hấp (thông thường được hồi phục nhờ hệ miễn dịch)

Không thể loại trừ tất cả các rủi ro từ những hoạt động có liên quan đến hóa chất, nhưng có thể hạn chế đến mức thấp nhất có thể chấp nhận được. Với việc hít phải do tiếp xúc hóa chất,

mức độ rủi ro tối thiểu có thể chấp nhận được xác định bằng cách giới hạn lượng phơi nhiễm cũng như ở ngưỡng cho phép.

3. Những mối nguy về thuộc tính

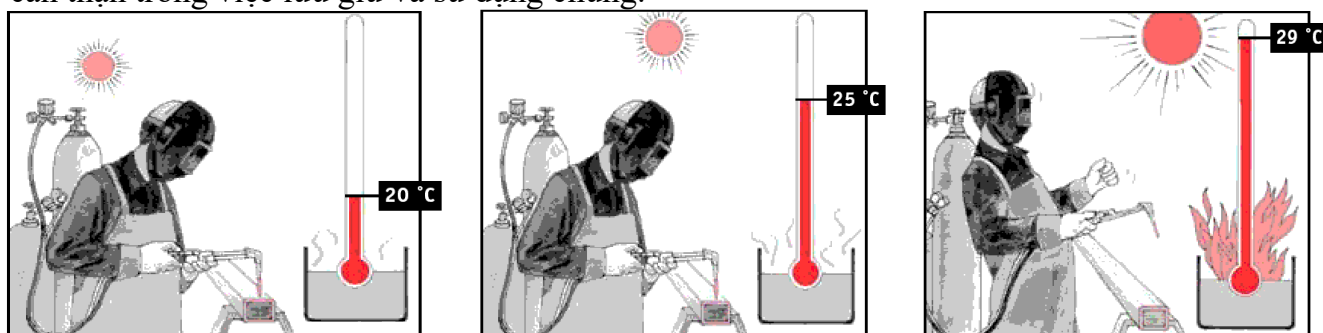
Các nguyên liệu của chất hóa học có thể hiện diện những mối nguy hại vật lý cho người lao động. Phổ biến nhất là: chất dễ cháy, oxi hóa, khả năng phản ứng với nước, khí ép hoặc khí nén, và các chất lỏng, và có hoặc không có phản ứng với các chất khác. Khi các chất độc hại này được sử dụng thì cần đánh giá để có chỗ lưu trữ thích hợp và hướng dẫn cách sử dụng hóa chất đúng cách.

Tính dễ cháy (hay dễ bén lửa) là những mối nguy hại vật lý phổ biến nhất có liên đới đến các nguyên liệu trong hóa chất của cơ sở. Lý giải về **Điểm Phát Cháy**, một đặc tính duy nhất của chất lỏng dễ cháy, và về điểm khác biệt của nó từ **Sự Đánh Lửa**, một đặc tính độc đáo khác. Điều này rất quan trọng trong việc đánh giá nguy cơ phát hỏa từ các nguyên liệu của hóa chất dễ cháy.

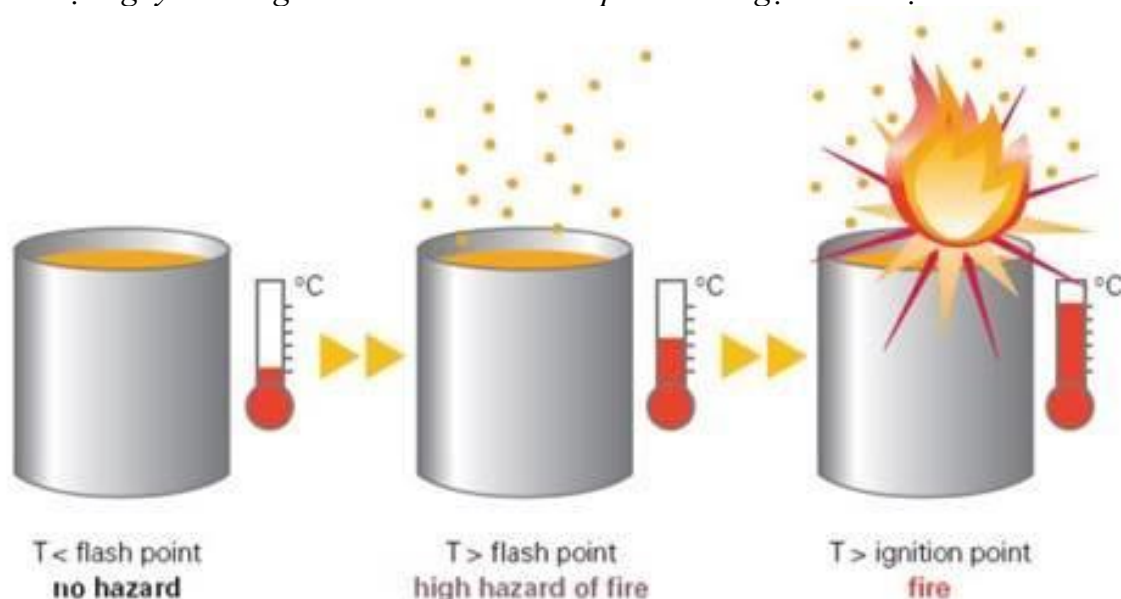
Cả 2 **Điểm Phát Cháy** và **Sự Đánh Lửa** đều có cùng điểm xuất phát là nhiệt độ và cả hai đều liên quan đến khả năng xảy ra sự bắt cháy.

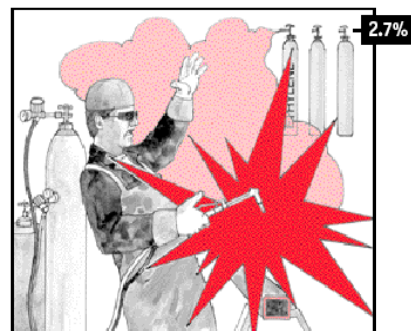
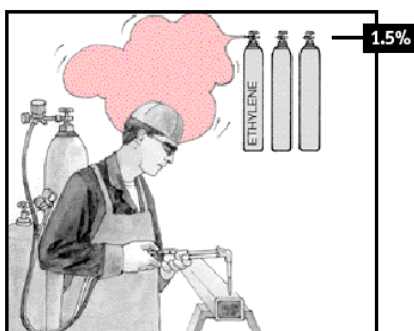
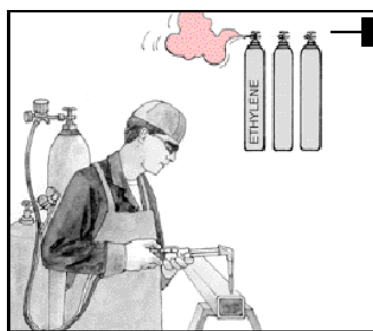
- Tại nhiệt độ của **Điểm Phát Cháy**, có đầy đủ nồng độ bay hơi trong không khí phía trên nắp thùng hóa chất khi mở ra và sự bén lửa sẽ xảy ra với sự hiện diện của nguồn bắt lửa.

- Tại nhiệt độ của **Điểm Đánh Lửa** (lớn hơn nhiệt độ **Điểm Phát Cháy**), độ nóng của môi trường xung quanh đủ để làm bắt cháy các nguyên liệu. Vì các nguyên vật liệu, dung dịch hóa chất có **Điểm Phát Cháy** thấp hơn nhiệt độ nhà xưởng (nghĩa là $< 35^{\circ}\text{C}$) nên cần xem xét cẩn thận trong việc lưu giữ và sử dụng chúng.



Butanol bình thường có Điểm Phát Cháy trong cốc khẹp kín 29°C . Do đó, nó rất dễ cháy vào một ngày hè nóng bức khi hơi của nó tiếp xúc với ngọn lửa hoặc tia lửa.





Ethylene có giới hạn nổ dưới là 2,7% và giới hạn trên là 36%. Do đó, với sự có mặt của nguồn đánh lửa, nếu nồng độ khí ít hơn 2,7% hoặc lớn hơn 36%, thì không có nguy cơ nổ. Nhưng nếu nồng độ của chất nằm giữa hai giới hạn này, hỗn hợp có thể phát nổ. Nồng độ của sản phẩm trong không khí phải được giữ dưới giới hạn nổ thấp hơn, ví dụ bằng cách sử dụng hệ thống thông gió thích hợp.

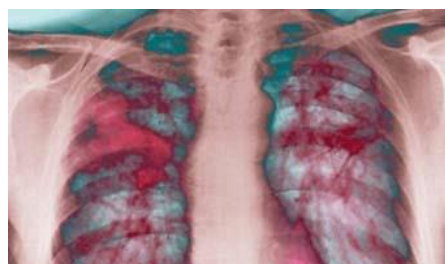
4. Hóa chất xâm nhập vào cơ thể

4.1. Đường xâm nhập của hóa chất vào cơ thể người

Hóa chất có thể đi vào cơ thể con người theo 3 đường: **Đường hô hấp; đường tiêu hóa và qua da.**



Phải đeo kín bình sẽ giảm nguy cơ tiếp xúc với hơi độc. Nếu để hơi hóa chất ở dạng hơi, khói, bụi hoặc khí có thể vào cơ thể dễ dàng qua đường hô hấp



Phổi bị tổn thương do HC

Đường hô hấp: khi hít thở các hóa chất dưới dạng khí, hơi hay bụi vào đường hô hấp sẽ kích thích màng nhầy của đường hô hấp trên và phế quản. Sau đó, chúng sẽ xâm nhập sâu vào phổi gây tổn thương phổi hoặc lưu thông trong máu.

Hấp thụ qua da: Hóa chất dính trên da có thể có các phản ứng sau: Phản ứng với bề mặt của da gây viêm da xơ phát; xâm nhập qua da, kết hợp với tổ chức protein gây cảm ứng da; xâm nhập qua da vào máu. Khi da bị tổn thương do các vết xước hoặc bệnh về da thì nguy cơ bị hóa chất thâm nhập vào cơ thể qua da sẽ tăng lên.



Hóa chất gây viêm da, kích ứng da



Đường tiêu hóa: Do bất cẩn để chất độc dính trên môi, miệng rồi vô tình nuốt phải hoặc ăn, uống, hút thuốc trong khu vực có hóa chất là những nguyên nhân chủ yếu để hóa chất xâm nhập vào cơ thể qua đường tiêu hóa.



*Không ăn,
uống hoặc hút
thuốc ở nơi
làm việc có sử
dụng hoá chất.
Thức ăn, đồ
uống có thể bị
nhiễm bẩn do
tay bẩn hoặc
do hơi hóa
chất.*



- **Tích lũy:** Có một số chất độc không gây tác dụng độc ngay khi xâm nhập vào cơ thể, mà tích chứa ở một số cơ quan dưới dạng các hợp chất không độc như chì, flo trong xương; arsen trong da, gan thận. Đến một lúc nào đó dưới ảnh hưởng của điều kiện nội ngoại môi thay đổi, các chất này được huy động nhanh chóng đưa vào máu gây nhiễm độc;

- **Đào thải chất độc:** Chất độc hoá học hoặc sản phẩm chuyển hoá sinh học của nó được đưa ra ngoài cơ thể bằng phổi, gan ruột và các tuyến nội tiết. Các chất kim loại nặng như chì, thủy ngân thải qua đường ruột, đường thận. Các chất tan trong mỡ (Crom) được thải qua da, qua tuyến sữa theo nước bọt. Các chất có tính bay hơi như rượu, ete, xăng theo hơi thở thải ra ngoài. Tốc độ thải ra tỷ lệ nghịch với mức tan trong nước. Đường bài tiết ra ngoài rất có giá trị cho việc chẩn đoán và điều trị giải độc nghề nghiệp.

4.2. Tác hại của hóa chất đối với sức khỏe con người

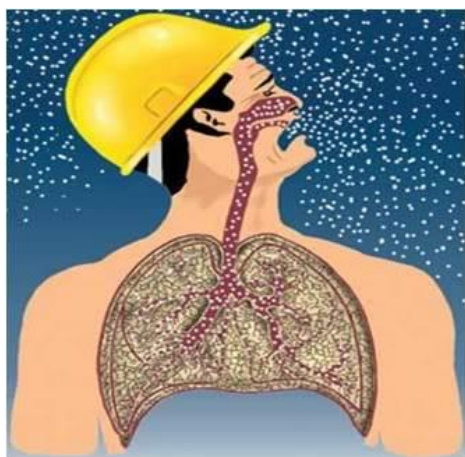
Những ảnh hưởng của hóa chất có thể là cấp tính hoặc mãn tính tùy vào nồng độ và thời gian tiếp xúc. Theo tính chất tác động của hóa chất trên cơ thể con người có thể phân loại theo các nhóm sau đây: kích thích gây khó chịu; gây dị ứng; gây ngứa; gây mê và gây tê; tác động đến các cơ quan chức năng; gây ung thư; hư bào thai, ảnh hưởng đến các thế hệ tương lai (đột biến gen);



- **Kích thích đối với da:** Khi một hóa chất tiếp xúc với da, có thể chúng sẽ làm biến đổi các lớp bảo vệ khiến cho da bị khô, nứt, người bị sẽ khó chịu đau bỏng rát. Tình trạng này được gọi là viêm da; Ung thư da do tiếp xúc với arsen, sản phẩm dầu mỏ và nhựa than

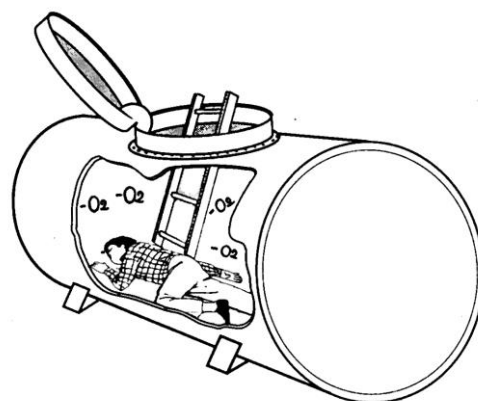
- **Kích thích đối với mắt:** Hóa chất vào mắt có thể gây tác động từ khó chịu nhẹ, tạm thời tới thương tật lâu dài. Mức độ thương tật phụ thuộc vào lượng, độc tính của hóa chất và cả các biện pháp cấp cứu. Các chất gây kích thích đối với mắt thường là: axit, kiềm và các dung môi;



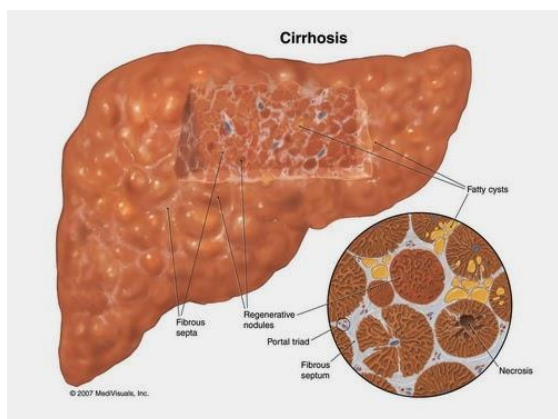


- Gây ngạt: Sự ngạt thở là biểu hiện của việc đưa không đủ oxy vào các tổ chức của cơ thể. Chất gây ngạt thường ở dạng khí như CO_2 (cacbonic), CH_4 (mêtan), N_2 (nitơ), C_2H_6 (êtan), H_2 (hydro) ... khi lượng các khí này tăng sẽ làm giảm tỷ lệ oxy trong không khí và gây ngạt thở; nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong

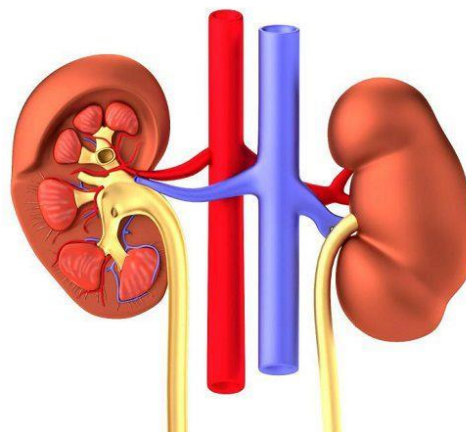
- Kích thích đối với đường hô hấp: Các chất hòa tan như amoniac, fomandehit, sunfur, axit và kiềm ở dạng mù sương, khí hoặc hơi khi tiếp xúc với đường hô hấp trên (mũi và họng) sẽ gây ra cảm giác bỏng rát, viêm phế quản, đôi khi gây tổn thương trầm trọng đường thở và mô phổi. Khi tiếp xúc lâu dài với một số hóa chất như asen, amiăng, crom, niken, bis-clometyl ete (BCME) ... có thể gây ung thư phổi

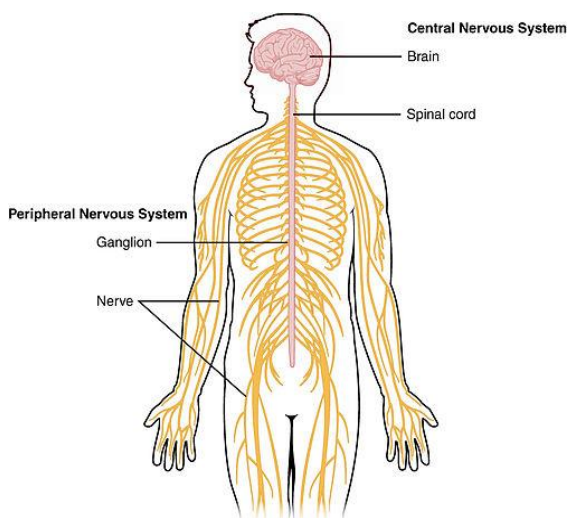


- Ảnh hưởng tới chức năng của gan: các dung môi: ancol, cacbon tetraclorea, tricloetylen, clorofom có thể gây tổn thương gan, dẫn đến viêm gan với các triệu chứng vàng da, vàng mắt. Tùy thuộc vào loại, liều lượng và thời gian tiếp xúc mà có thể dẫn đến hủy hoại mô gan, để lại hậu quả xơ gan và giảm chức năng gan. Ung thư gan có thể do tiếp xúc với vinyl clorua đơn thể, ung thư tủy xương là do benzen



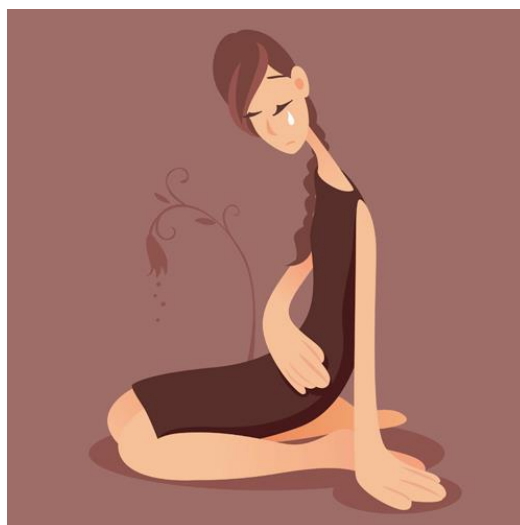
- Các hóa chất ảnh hưởng tới chức năng cản trở thận: etylen glycol, cacbon đisunfur. Các chất khác như cadimi, chì, nhựa thông, etanol, toluen, xylen ... sẽ làm hỏng dần chức năng của thận





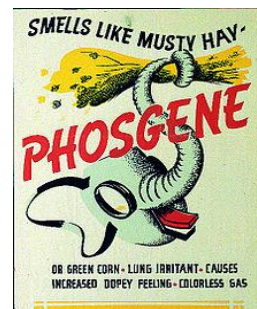
- Hệ thần kinh có thể bị tổn thương do tác động của các hóa chất nguy hiểm như: Với hexan, mangan và chì sẽ làm tổn thương hệ thần kinh ngoại vi, để lại hậu quả liệt rũ cổ tay; tiếp xúc với các hợp chất có photphat hữu cơ như parathion có thể gây suy giảm hệ thần kinh; còn với cacbon đisulfua có thể dẫn đến rối loạn tâm thần ...

- Hư thai (quái thai): khi mang thai nếu tiếp xúc với hóa chất như thủy ngân, khí gây mê, các dung môi hữu cơ có thể cản trở quá trình bình thường của việc phân chia tế bào, gây biến dạng bào thai



Bụi, khói và khí

- Phát sinh khi sử dụng hóa chất bay hơi mạnh, dạng bột và khi đốt nóng vật liệu (như hàn cắt kim loại ...)
- Bụi có kích thước càng nhỏ càng nguy hiểm
- Bụi Silic, bụi Amiăng có thể gây suy hô hấp và ung thư phổi
- Nhiều loại khí có thể thấm qua da đi thẳng vào máu như HCN (hydrogen cyanide)
- Chất khí độc không phải luôn luôn có mùi hôi.
- Phosgen (Carbonyl chloride COCl_2) có mùi giống cỏ khô hoặc cỏ tươi có thể gây tử vong trước khi có triệu chứng rõ rệt (vũ khí HH trong chiến tranh TG lần I)
- Các khí như NO_2 , SO_2 , Cl_2 , NH_3 gây rối loạn hô hấp, tổn thương phổi
- Thường gặp trong các ngành: giấy, vải, gốm sứ, thủy tinh, khai thác than, gia công đá, xi măng, xi mạ, thuốc da, nhựa, sơn, phẩm màu ...



Dung môi

- Có thể cháy ngay cả khi nguồn nhiệt ở cách xa
- Một số dung môi có khả năng thấm qua da; có thể gây choáng, hoa mắt, tê liệt thần kinh và tác động lên gan và thận
- Benzene (C_6H_6), carbon tetrachloride (CCl_4) và carbon disulphide (CS_2) là những dung môi nên thay thế trong dây chuyền sản xuất
- Trong các loại keo, lớp phủ thường chứa dung môi mạnh.
- Thường dùng trong các ngành: keo, da giày, gia công kim loại, mạch điện tử, nhựa, mực in, sơn, dệt nhuộm ...

Kim loại nặng

- Kim loại có thể đi vào cơ thể dưới dạng bụi, khói, dung dịch.
- Một vài kim loại có thể thấm qua da
- Hầu hết kim loại không thân thiện với cơ thể người. Cơ thể rất khó thải loại
- Bụi KL (nhất là loại có chứa kẽm) thường gây ra “sốt khói kim loại” một ngày sau khi hít vào phổi.

Axit và kiềm

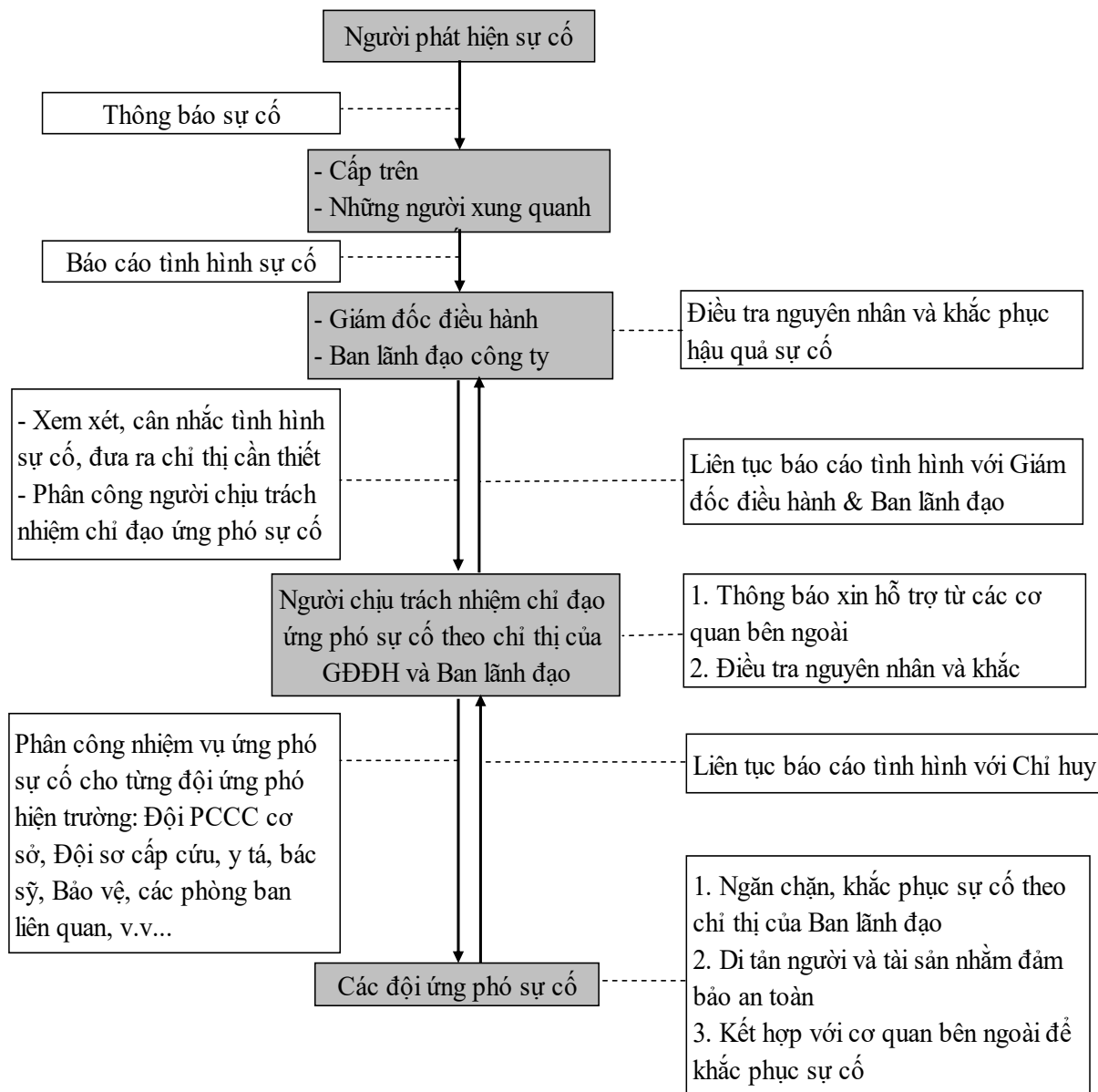
- Dung dịch acid và base là chất ăn mòn, có thể bay hơi và tác động lên phổi.
- Phản ứng giữa chúng là phản ứng trung hòa phát sinh nhiệt lượng lớn
- Trong quá trình pha loãng acid đậm đặc sinh ra nhiệt lớn có thể gây nguy hiểm
- Khi tương tác với Kim loại, phản ứng sinh ra Hydro (dễ gây cháy nổ) hoặc các khí độc hại như NO_x , SO_2 ...
- Acid phosphoric (H_3PO_4) khi bị đốt nóng có thể sinh ra chất độc.
- Các chất kiềm thông dụng là: Amoniac (NH_3), xút (NaOH), potass (KOH)... có thể thấm qua da gây đau nhức sâu bên trong và rất khó rửa đi. Gây tổn thương trước khi cơ thể có thể có cảm giác.

PHẦN III

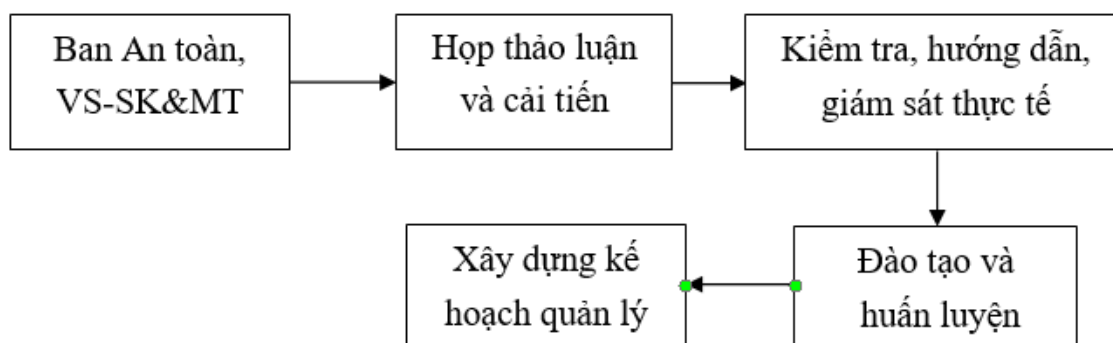
PHƯƠNG ÁN PHỐI HỢP VỚI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ĐỂ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI CỦA CƠ SỞ ĐỂ ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ

1. Kế hoạch phối hợp hành động khi xảy ra sự cố hóa chất

Sơ đồ tổ chức ứng phó sự cố tại Công ty



Sơ đồ quá trình hoạt động





Sơ đồ phân cấp ban chỉ đạo UPSC của Công ty

2. Phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài để ứng phó sự cố hóa chất

a. Kế hoạch phối hợp bên trong

Công tác lập kế hoạch phối hợp bên trong nhằm mục đích chuẩn mực hóa công tác an toàn khi xảy ra sự cố hóa chất. Các nhân viên đội ứng phó có trách nhiệm hướng dẫn và hỗ trợ các nhân viên khi gặp sự cố hóa chất.

Yêu cầu đặt ra cho các thao tác phối hợp bên trong: Nhận định rõ rủi ro đã xảy ra theo từng cấp độ. Từ đó định hướng khả năng phối hợp sơ tán người và tài sản nhằm giảm thiểu mức rủi ro thấp nhất có thể xảy ra. Kế hoạch phối hợp được thể hiện như sau:

Bảng 3.1 Kế hoạch phối hợp được thể hiện

STT	Quy trình	Hành động
1	Người phát hiện	- Nhận biết được các thông tin sự cố: + Sự cố xảy ra ở đâu? + Xảy ra sự cố gì? + Mức độ tác động của sự cố? + Có sự cố cháy nổ không? + Số người bị thương? - Nếu có tràn đổ hóa chất, dầu mỡ ra hệ thống thoát nước mưa hoặc ra môi trường, lập tức đóng các cửa xả nước và cô lập sự cố bằng các vật liệu sẵn có gần nhất. - Thông báo cho mọi người trong khu vực xảy ra sự cố; - Thông báo cho cấp trên tình hình hiện tại sự cố.

2	Người phát hiện, Điều độ sản xuất, Bảo vệ, cấp trên của người phát hiện sự cố	- Thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người và gọi điện theo các số liên lạc nội bộ để thông báo tình hình sự cố: + Phòng bảo vệ; + Trung tâm điều độ sản xuất; - Yêu cầu mọi người thực hiện đúng theo quy trình ứng cứu sự cố khẩn cấp.
3	Trưởng bộ phận, các Đội ứng phó sự cố, Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở, Đội sơ cấp cứu	- Di tản mọi người trong khu vực sự cố theo chỉ thị của cấp trên. - Thiết lập đội ứng cứu khẩn cấp tại chỗ. Trưởng ca (hoặc cấp trên, nếu có) đóng vai trò là người chỉ đạo. - Sử dụng nhân lực hiện có tại khu vực để cô lập hóa chất, dầu mỡ bị tràn đổ bằng các vật liệu thích hợp như vải, giẻ lau khô, cát khô,... ở nơi lưu giữ gần nhất. - Sử dụng các phương tiện, dụng cụ trong tủ dụng cụ ứng phó với tình huống khẩn cấp ở khu vực gần nhất để tiến hành khắc phục sự cố. - Yêu cầu mở các van nước cần thiết, sử dụng hệ thống nước cứu hỏa nếu cần. - Tổ chức sơ cứu và đưa người bị thương đi cấp cứu. - Thông báo và xin chỉ thị từ cấp trên. - Sau khi khắc phục xong: + Yêu cầu kiểm tra lại hiện trường xảy ra sự cố. + Yêu cầu giữ nguyên hiện trường để tiến hành điều tra sau đó (nếu cần). + Thuê đơn vị có chức năng đến đo kiểm môi trường làm việc và môi trường xung quanh (nếu cần). + Báo cáo lại tình hình cho lãnh đạo công ty.
4	Bộ phận an toàn trong công ty	- Cử nhân viên đến hiện trường theo dõi và khắc phục sự cố. - Đảm bảo luôn giữ liên lạc với các đơn vị ứng cứu. - Đưa ra tư vấn cần thiết. - Thông báo tình hình sự cố cho trưởng bộ phận để đưa ra biện pháp xử lý (nếu cần). - Tham gia vào hướng dẫn sơ tán. - Trưởng bộ phận gọi điện cho cơ quan chức năng để cùng phối hợp xử lý sự cố.
5	Các Đội ứng phó sự cố: Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở, Đội sơ cấp cứu	Các đội kết hợp với nhau và nghe theo mệnh lệnh của người chỉ huy.

Kế hoạch phối hợp bên trong còn thể hiện qua việc thường xuyên luyện tập nhóm các nội dung cơ bản ứng phó các sự cố tại Nhà máy như bảng dưới đây.

Bảng 3.2 Kế hoạch phối hợp bên trong

Đề mục	Nhóm mục tiêu	Thường xuyên
Luyện tập nhỏ Lên kế hoạch luyện tập 1 trong những nhóm sau đây (chữa cháy/ Tìm kiếm cứu hộ/ Ứng phó tràn đổ)	Thành viên Ứng cứu sự cố	1 năm /lần
Luyện tập thực tế	Thành viên Ứng cứu sự cố	1 năm /lần

Một buổi luyện tập liên quan đến việc thực hiện theo kịch bản được thiết kế để kiểm tra sự chuẩn bị, chỉ huy, kiểm soát và kết hợp với các đơn vị liên quan trong Nhà máy		
Luyện tập tổng thể Một cuộc luyện tập chính bao gồm cả lực lượng chữa cháy và cứu hộ cứu nạn chuyên nghiệp, các đơn vị liên quan và các cơ quan chức năng thiết lập để kiểm tra sự chuẩn bị, chỉ huy và kiểm soát và kết hợp với các đơn vị liên quan trong Nhà máy.	Thành viên Ứng cứu sự cố	1 năm /lần

b. Kế hoạch phối hợp giữa bên trong và bên ngoài

Công tác phối hợp với các tổ chức, lực lượng hỗ trợ bên ngoài chủ yếu liên quan đến nội dung ứng phó sự cố và kinh nghiệm hành động thực tế. Do đó, Công ty đã xây dựng Kế hoạch phối hợp tổng quát được cụ thể hóa như sau:

Bảng 3.3 Kế hoạch phối hợp tổng quát

STT	Quy trình	Hành động
I	Phối hợp với các đơn vị bên ngoài	
1	Trưởng bộ phận, Người đứng đầu cơ sở	- Nắm rõ tình hình sự cố để chỉ đạo các bộ phận liên quan. - Đánh giá đúng tình hình ứng cứu và trường hợp khẩn cấp. - Giao lại trách nhiệm cho chỉ huy đội ứng cứu chuyên nghiệp khi họ đã đến, đóng vai trò tham mưu cho lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp. - Yêu cầu sự trợ giúp của các đơn vị bên ngoài (nếu cần thiết).
2	Các đội hỗ trợ bên ngoài	- Khi đến cổng Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể.
3	Cảnh sát PCCC&CNCH	- Chịu trách nhiệm chỉ huy chữa cháy với sự tư vấn của chỉ huy chữa cháy công ty. - Phân bổ lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp và các lực lượng chữa cháy hỗ trợ sao cho phù hợp với tình hình thực tế. - Sau khi ứng cứu xong yêu cầu kiểm tra lại hiện trường và điều tra nguyên nhân.
4	Phòng Y tế Đội sơ cấp cứu	- Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị nạn do sự cố.
II	Kế hoạch sơ tán	
5	Tổ thoát nạn của Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở - Sơ tán người lao động	- Thực hiện sơ tán người tại khu vực xảy ra sự cố khi nghe yêu cầu trên loa phóng thanh. - Tập trung tất cả người cần sơ tán tại địa điểm: điểm tập kết công ty - Tập trung cán bộ công nhân viên theo từng bộ phận. - Điểm danh lại quân số.
6	Tổ an toàn thiết bị của Đội PCCC cơ sở - Sơ tán thiết bị	- Di chuyển các thiết bị, đồ đạc, dụng cụ cách xa nguồn lửa để giảm chất gây cháy và đảm bảo an toàn cho các thiết bị, hạn chế tổn thất.
III	Ban lãnh đạo Công ty	
7	Ban giám đốc Công ty	- Theo dõi tình hình của sự cố. - Đưa ra mệnh lệnh chỉ huy (nếu cần).

		- Thông báo, yêu cầu trợ giúp với các cơ quan hữu quan nếu sự cố là nghiêm trọng.
--	--	---

c. Tràn đổ, rò rỉ, phát tán hóa chất

Những hóa chất nguy hại

D-ply 007
D-tac 7430-2
233BFU
MEK
8250-2
PS-2
7430-2...
others

HƯỚNG DẪN XỬ LÝ HÓA CHẤT TRÀN ĐỔ

Hóa chất không nguy hại... những chất khác:
W-01, 102, 104,
Đầu

Developed: 1997
Reviewed: 12-2002
Maintenance

BƯỚC 1:



Bất cứ nhân viên nào có trách nhiệm xử lý hoá chất tràn đổ, chất bột hoặc chất lỏng đều phải dùng trang thiết bị bảo hộ lao động thích hợp
Dùng môi hữu cơ: Đeo mặt nạ lọc hơi, mặt nạ carbon, găng tay, kính bảo hộ
Hoá chất bột: Đeo khẩu trang vải hoặc mặt nạ lọc bụi và kính bảo hộ

BƯỚC 3:



Thu dọn hết đám mùn của hay cát đã xử lý xong hóa chất tràn đổ, sau đó quét sạch và cho vào thùng đựng hóa chất thải

Làm sạch nơi bị tràn đổ:
Dùng nước và giẻ lau sạch vết còn lại của hóa chất và cát/mùn của.
Đảm bảo rằng hóa chất tràn đổ không chảy vào hệ thống cống rãnh.

BƯỚC 2:



Xử lý tràn đổ: Dùng xẻng xúc cát hay mùn cửa đổ lên đám hóa chất lỏng hoặc bột bị tràn, đổ.
Phải đảm bảo rằng lượng cát hay mùn cửa có thể xử lý hết được đám hoá chất tràn đổ
Đợi ít nhất là từ 5 đến 10 phút cho đến khi hoá chất thấm hết vào trong cát hay mùn cửa

BƯỚC 4:



Chuyển thùng đựng hóa chất/thải đến khu vực chứa rác độc hại:

Phải đảm bảo rằng người xử lý hoá chất vẫn còn đang sử dụng BHLĐ khi thực hiện bước này.

Rửa tay thật kỹ sau khi đã hoàn tất công việc này

d. Hít, ngửi, ăn, uống nhằm phải hóa chất

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân đến khu vực an toàn nhất có thể, nói lỏng thắt lưng, quần áo. Nếu nạn nhân khó thở có thể sử dụng bình oxy, nếu nạn nhân ngừng thở ngay lập tức phải hô hấp nhân tạo;
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Nếu bệnh nhân tỉnh táo cho bệnh nhân uống thật nhiều nước (nếu cần nên uống vài lít). Không được đưa bất cứ thứ gì vào miệng khi nạn nhân bất tỉnh. Không cố gắng nôn, nói lỏng quần áo, thắt lưng...Đưa đến bộ phận y tế để được khám chữa kịp thời.

e. Cháy, nổ hóa chất

- Thực hiện các bước ứng phó sự cố hóa chất theo Sơ đồ ứng phó. Lưu ý một số điều sau:
- Trước khi thực hiện chữa cháy phải tiến hành trình sát đám cháy, xác định rõ loại, vị trí, cách sắp xếp, tình trạng bao bì, khối lượng hóa chất có tại cơ sở. Tuyệt đối không phun nước khi chưa rõ loại hóa chất trong cơ sở hoặc đối với các loại hóa chất kỵ nước.
- Khi xác định trong cơ sở không có hóa chất kỵ nước, triển khai phun nước làm mát xung quanh và ngăn cháy lan. Sử dụng nước, bột, bọt, khí trơ hoặc các chất có tác dụng kim hãm phản ứng cháy khác để chữa cháy. Người chỉ huy chữa cháy căn cứ vào từng tình huống cụ thể, căn cứ vào loại hóa chất cháy để sử dụng chất chữa cháy nào hiệu quả nhất.

- Cần chọn tác nhân dập lửa phù hợp
- Cần xem xét nguy cơ nóng quá mức, sản sinh độc chất và nguy cơ nổ

Tác nhân	Tác động	Mối nguy hại
Nước	Làm nguội nhiên liệu	Dẫn điện, phản ứng với một vài loại hóa chất
Cacbon dioxit (CO ₂)	Loại trừ Oxy của đám cháy	Thiếu oxy khi sử dụng tại không gian chật hẹp
Hóa chất khô	Ngăn chặn quá trình cháy	Khi sử dụng trong không gian chật hẹp làm hạn chế tầm nhìn



- Phối hợp với các lực lượng chức năng PCCC để xử lý các đám cháy chất lỏng tràn trên mặt sàn, chất dẻo nhựa, lõi thùng có hóa chất thoát ra (hơi, khí cháy).

Lưu ý: Những người xử lý sự cố cháy, nổ hóa chất phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ, chống độc: trang phục dương áp, mặt nạ phòng độc, quần áo chống độc, chống nhiệt...



f. Các biện pháp sơ cấp cứu, khắc phục sự cố hóa chất

Kế hoạch sơ tán:

- Mỗi bộ phận phải có kế hoạch sơ tán cụ thể
- Đường sơ tán phải luôn thông thoáng và đủ sáng ngay cả khi mất điện
- Phải có nơi tập trung và điểm danh sau khi ra khỏi vùng nguy hiểm
- Mọi người cần phải biết và nhớ rõ kế hoạch sơ tán

Sơ cấp cứu:

- Cần có sẵn MSDS của tất cả các loại hóa chất đang sử dụng
- Có nguồn nước để rửa hóa chất
- Mục đích sơ cấp cứu:
 - + Duy trì sự sống
 - + Ngăn chặn diễn biến xấu hơn
 - + Thúc đẩy sự hồi phục
- Phải chú ý bảo vệ chính mình trước rồi mới tiến hành cấp cứu nạn nhân
- Các bước sơ cấp cứu bao gồm:
 - + Đưa nạn nhân ra khỏi vùng nguy hiểm
 - + Ngăn chặn và loại trừ quá trình nhiễm độc
 - + Các biện pháp sơ cấp cứu như băng bó, hô hấp nhân tạo



3. Khắc phục sự cố hóa chất

STT	Loại hóa chất	Tràn đổ rò rỉ ở mức nhỏ	Tràn đổ rò rỉ ở diện rộng	Lưu ý
1	Nhóm các chất hữu cơ dễ bay hơi, dễ cháy	- Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt - Thông thoáng khu vực tràn đổ hóa chất - Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý. - Sử dụng cát, giẻ lau, bột thấm để làm sạch khu vực. Sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng để xử lý và tiêu hủy đúng cách. - Xử lý theo chất thải nguy hại	- Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt - Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất - Mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp trước khi tiến hành xử lý sự cố - Cô lập khu vực tràn đổ, đặt các biển cảnh báo nguy hiểm. Nghiêm cấm người không có nhiệm vụ không được vào khu vực tràn đổ	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ.
2	Nhóm các chất rắn dễ cháy	- Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh tia lửa, nhiệt. - Ngắt tất cả các nguồn điện liên quan đến khu vực tràn đổ - Tìm mọi cách ngăn chặn nguồn tràn đổ. - Làm thông thoáng khu vực tràn đổ, phong tỏa khu vực xảy ra tràn đổ, rò rỉ. Cất cử người trông coi và cảnh báo cho mọi người cùng biết khu vực đó. - Sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng để xử lý và tiêu hủy đúng cách.	- Di chuyển tất cả các nguồn phát sinh tia lửa, nhiệt - Tìm mọi cách để cắt điện liên quan đến khu vực tràn đổ hóa chất. - Tìm mọi cách để ngăn chặn nguồn tràn đổ - Thông thoáng khu vực bị tràn đổ, phong tỏa khu vực tràn đổ khu vực bị tràn đổ, rò rỉ. Cất cử người trông coi và cảnh báo cho mọi người cùng biết khu vực đó.	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ.
3	Nhóm các Axit vô cơ mạnh	- Pha loãng với nước và thu dọn, hoặc hấp thụ với một vật liệu khô tro và đặt trong một thùng chứa xử lý chất thải phù hợp - Nếu cần thiết trung hòa lượng nhỏ còn lại với một dung dịch loãng Natricacbonat - Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất	- Ngăn chặn rò rỉ nếu không có rủi ro, hấp thụ với một vật liệu khô tro, cát khô hoặc vật liệu không dễ cháy khác - Không nên để nước bên trong bể chứa, không chạm vào vật chất bị đổ ra. Sử dụng bức màn phun nước để chuyển hướng hơi trôi - Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất - Sử dụng bình phun nước để giảm hơi - Ngăn chặn xâm nhập vào hệ thống cống rãnh, tầng hầm hoặc các khu vực hạn chế, kêu gọi sự hỗ trợ về việc xử lý.	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này

STT	Loại hóa chất	Tràn đổ rò rỉ ở mức nhỏ	Tràn đổ rò rỉ ở diện rộng	Lưu ý
			Trung hòa lượng còn lại với một dung dịch pha loãng natri cacbonat, hãy cẩn thận rằng sản phẩm là không hiện diện ở nồng độ trên TLV.	
4	Nhóm chất lỏng ăn mòn	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Tìm mọi cách ngăn chặn nguồn tràn đổ Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Thông thoáng khu vực tràn đổ hóa chất Sử dụng các công cụ thích hợp để đưa các chất rắn bị đổ vào một thùng chứa xử lý chất thải thuận tiện	Ngăn chặn rò rỉ nếu không có rủi ro. Không nên để nước bên trong thùng chứa. Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Không chạm vào các vật bị dính chất bị đổ ra bao gồm đất khô, cát hoặc vật liệu không dễ cháy khác Sử dụng bình phun nước để giảm bớt hơi Ngăn chặn xâm nhập vào hệ thống cống rãnh, tầng hầm nhà xe Loại bỏ tất cả các nguồn phát tia lửa	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này
5	Các chất dễ bay hơi, kích ứng mạnh	Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Dùng cát, giẻ lau để ngăn chặn, lau sạch khu vực bị tràn đổ. Sau đó thu gom cát, giẻ lau dính ethanol vào các thùng chứa chuyên dụng để xử lý và tiêu hủy đúng cách	Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn (>1 thùng), không rửa chất cặn với nước, giữ lại những chất thải ô nhiễm. cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn, Sau đó thu gom cát, giẻ lau dính ethanol vào các thùng chứa chuyên dụng để xử lý và tiêu hủy đúng cách	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này
6	Nhóm các loại dầu	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (≤ 1 thùng), tránh không cho chất chảy vào cống rãnh, dùng cát để ngăn chặn, lau sạch khu vực bị tràn đổ	Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn (> 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe bồn tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cặn với nước. Giữ lại những chất thải ô nhiễm. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này

STT	Loại hóa chất	Tràn đổ rò rỉ ở mức nhỏ	Tràn đổ rò rỉ ở diện rộng	Lưu ý
			thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lầy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn	
7	Nhóm các loại mực	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Lau sạch bằng giẻ lau và thải bỏ giẻ theo CTNH, chuyển vào nơi lưu giữ CTNH	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Thu gom và hấp thụ chất tràn đổ bằng cát hoặc các vật liệu không cháy khác. Cho chất thải vào thùng chứa dán nhãn, niêm phong, Lau dọn sạch sẽ và vật và khu vực ô nhiễm, tuân thủ quy định về môi trường	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này
8	Nhóm các chất rắn	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Ngăn chặn rò rỉ xuống cống rãnh Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất, chuyển sang thùng chứa để thải bỏ theo CTNH được chuyển sang nơi lưu giữ CTNH để xử lý theo CTNH	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này
9	Nhóm các chất bazơ	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Hóa chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước, trung hòa bằng axit loãng như CH ₃ COOH,... Thấm hóa chất còn lại bằng đất, cát, sau đó chuyển sang nơi lưu giữ CTNH, xử lý theo CTNH	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi xử lý Hủy bỏ tất cả các nguồn phát sinh, tia lửa, nhiệt Thông gió toàn bộ khu vực tràn đổ hóa chất Ngăn chặn rò rỉ xuống cống rãnh Hóa chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước, trung hòa bằng axit loãng như CH ₃ COOH,... Thấm hóa chất còn lại bằng đất, cát, sau đó chuyển sang nơi lưu giữ CTNH, xử lý theo CTNH	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này

STT	Loại hóa chất	Tràn đổ rò rỉ ở mức nhỏ	Tràn đổ rò rỉ ở diện rộng	Lưu ý
10	Nhóm các chất gây kích ứng	Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (≤ 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngấm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lầy đất, cát bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn (chuyển sang nơi lưu giữ CTNH xử lý theo chất thải nguy hại)	Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn (> 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe bồn tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cặn với nước. Giữ lại những chất thải ô nhiễm. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngấm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lầy đất, cát đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn (chuyển sang nơi lưu giữ CTNH xử lý theo chất thải nguy hại)	Chú ý khi tiếp xúc phải trang bị bảo hộ đầy đủ theo đúng MSDS, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất này

4. Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó đối với các tình huống đã dự báo.

Giám đốc công ty sẽ tùy tình hình sự cố mà thông báo cho cơ quan chức năng địa phương (chính quyền địa phương nơi kinh doanh, sản xuất, cơ quan PCCC, Ban quản lý KCN và cơ sở y tế...) và các công ty, kho chứa bên cạnh,... để có biện pháp hỗ trợ.

Nếu kho bảo quản hóa chất nằm trong khu dân cư thì phải báo động ngay để sơ tán người dân sinh sống xung quanh kho nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

Sau khi xử lý sự cố, lãnh đạo công ty, cán bộ an toàn và môi trường xác định nguyên nhân gây ra sự cố, thực hiện các biện pháp khắc phục đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng. Báo cáo bằng văn bản tình hình xử lý và khắc phục sự cố về Sở Công Thương TP Hà Nội.

Theo đó, với các sự cố cấp I có quy mô nhỏ thì lực lượng nòng cốt (đồng thời nhận được sự phối hợp của các lực lượng khác bên trong nhà máy như: Bảo vệ, kỹ thuật, EHS...) triển khai hoạt động ứng phó là đội ứng phó cấp cơ sở, đội PCCC cơ sở dưới sự chỉ đạo của ban chỉ huy ứng phó sự cố cấp I. Với sự cố cấp I thì việc chỉ huy sẽ do các quản lý và EHS trực tiếp thực hiện.

Với sự cố cấp II, khi mức độ ảnh hưởng từ sự cố đã trở nên nghiêm trọng, vượt ngoài tầm kiểm soát của nhà máy thì hoạt động ứng phó sẽ diễn ra dưới sự chỉ đạo Ban chỉ huy TP Hà Nội. Khi đó, hoạt động ứng phó sự cố tại nhà máy sẽ cần tới sự phối hợp của các lực lượng từ bên ngoài (Ủy ban Nhân dân cấp Xã, Phường; công an địa phương, lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên nghiệp, các bệnh viện trong khu vực...).

4.1. Nội dung và quy trình ứng phó sự cố cấp I

STT	Quy trình	Phối hợp hành động
1	Người phát hiện trực tiếp hay gián tiếp qua hệ thống cảnh báo	+ Nhận biết các thông tin liên quan đến sự cố: - Sự cố xảy ra ở đâu? Hóa chất xảy ra sự cố? Mức độ rò rỉ? Rò rỉ ở đâu? Có cháy nổ không? Số người bị thương? - Gọi điện thông báo cán bộ phụ trách an toàn và môi trường và lãnh đạo công ty. - Yêu cầu dừng mọi hoạt động phát sinh ra tia lửa hoặc tia lửa điện trong khu vực.

		- Tham gia phối hợp hành động ứng cứu khẩn cấp nếu thuộc lực lượng ứng cứu và xử lý sự cố hóa chất. - Nhận sự sắp xếp nhiệm vụ của cấp trên.
2	Thủ kho	- Thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan trong vận hành kho, yêu cầu mọi người thực hiện theo quy trình quản lý công tác an toàn, PCCC và ứng phó với các tình huống khẩn cấp.
3	Người chỉ huy ứng phó sự cố hóa chất	+ Yêu cầu mở các van nước cần thiết, sử dụng hệ thống nước cứu hỏa nếu cần. + Thiết lập trung tâm hội ứng cứu khẩn cấp, đóng vai trò là người chỉ đạo: - Cách xa khu vực xảy ra sự cố một khoảng cách an toàn - Trung tâm được thiết lập ở đầu hướng gió. - Vị trí có thể quan sát hiện trường sự cố. + Sử dụng nhân lực hiện có tại khu vực. + Yêu cầu sơ tán những người trong vùng ảnh hưởng. + Yêu cầu nhóm phù trợ tháo dỡ kết cấu khi cần thiết. + Tổ chức sơ cứu và đưa người bị thương đi cấp cứu. + Đảm bảo luôn giữ liên lạc với các đơn vị ứng cứu. + Đưa ra tư vấn cần thiết. + Sau khi khắc phục xong yêu cầu: - Yêu cầu cán bộ an toàn hóa chất phân tích nồng độ hóa chất trong không khí khu vực sự cố. - Yêu cầu điếm danh quân số. Kiểm tra lại hiện trường xảy ra sự cố; giữ nguyên hiện trường để tiến hành điều tra sau đó nếu cần. - Báo lại tình hình cho lãnh đạo công ty.
4	Các đội ứng phó sự cố, PCCC trong công ty	Nghe theo mệnh lệnh của đội ứng cứu khẩn cấp.
5	Cán bộ an toàn và môi trường	- Theo dõi tình hình của sự cố. - Đưa ra mệnh lệnh chỉ huy (nếu cần). - Tùy tình hình sự cố mà thông báo cho các cơ quan chức năng địa phương, các công ty bên cạnh... để nhận sự hỗ trợ

4.2 Nội dung và quy trình ứng phó sự cố cấp II

Quy trình ứng phó sự cố cấp 2 được thực hiện đối với sự cố hóa chất nghiêm trọng và Cơ quan chỉ huy ứng phó là Ban chỉ huy UPSC TP Hà Nội. Sau khi tiếp nhận thông tin của đơn vị về quy ô sự cố vượt khả năng ứng phó của cơ sở, BCH ứng phó cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức các lực lượng ứng phó cơ động của tỉnh và lực lượng ứng phó của đơn vị để triển khai kế hoạch ứng phó cấp tỉnh.

Trong quy trình ứng phó sự cố cấp 2, lực lượng ứng phó cơ sở là một thành phần tham gia ứng phó sự cố, chịu sự chỉ huy trực tiếp của BCH UPSC TP Hà Nội.

Sau đây là các bước phối hợp giữa công ty và bên ngoài:

STT	Quy trình	Phối hợp hành động
-----	-----------	--------------------

1	Lãnh đạo công ty có mặt tại hiện trường hoặc người phụ trách an toàn và môi trường	- Nắm rõ tình hình sự cố để chỉ đạo các bộ phận liên quan. - Đánh giá đúng tình hình ứng cứu trường hợp khẩn cấp. - Yêu cầu sự trợ giúp của các đơn vị bên ngoài nếu cần thiết. - Giao lại trách nhiệm cho chỉ huy đội ứng cứu chuyên nghiệp khi họ đã đến, đóng vai trò tham mưu cho lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp
2	Các đội ứng cứu chuyên nghiệp	- Khi đến cổng sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố; - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các vị trí cụ thể
3	Đội PCCC chuyên nghiệp	- Chịu trách nhiệm chỉ huy chữa cháy với sự tư vấn của chỉ huy chữa cháy công ty. - Phân bổ lực lượng chữa cháy hỗ trợ sao cho phù hợp với tình hình thực tế. - Sau khi ứng cứu xong yêu cầu kiểm tra lại hiện trường và điều tra nguyên nhân xảy ra cháy.
4	Đội an ninh	- Bảo vệ an ninh trật tự khu vực xảy ra cháy. - Phân luồng giao thông đảm bảo lưu thông cho các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy.
5	Đội y tế	- Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị nạn do sự cố.

4.3. Kế hoạch sơ tán

STT	Quy trình	Phối hợp hành động
1	Sơ tán người	- Thực hiện sơ tán người khu vực sự cố khi nghe yêu cầu trên loa phóng thanh, các thông tin từ người chỉ huy ứng cứu sự cố, chuông báo động,... - Tập trung tất cả người sơ tán về các địa điểm tập kết đã quy định (lựa chọn điểm tránh hướng gió đi đến, vị trí dự kiến: đính kèm 04) - Cán bộ, công nhân được tập trung theo từng bộ phận. - Điểm đánh lại quân số.
2	Sơ tán tài sản	-Thực hiện sơ tán tài sản (có thể), trong khu vực xảy ra sự cố.

4.4. Các tình huống sự cố hóa chất xảy ra đối với người, biện pháp xử lý

❖ Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất

Việc xử lý sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất do lực lượng ứng phó sự cố của công ty. Khi phát hiện tràn đổ, rò rỉ hóa chất cần báo ngay cho cán bộ phụ trách an toàn hóa chất, treo biển cảnh báo nguy hiểm, nghiêm cấm ra vào khu vực xảy ra sự cố, chỉ những người có trách nhiệm, được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động mới được vào. Tùy từng loại hóa chất khi bị tràn đổ, rò rỉ mà có biện pháp xử lý khác nhau: dùng nước, cát khô, bình chữa cháy,...

Nếu người lao động bị tai nạn hóa chất:

- Nếu dính vào mắt: rửa ngay thật nhiều nước ít nhất 15 phút cho tới khi sạch hóa chất, thỉnh thoảng chớp mắt, gọi bác sĩ hay đưa đến trung tâm ý tế gần nhất nếu thấy kích ứng kéo dài.

- Nếu hít phải: cần di chuyển người bị nạn đến nơi thoáng mát, cởi bỏ quần áo, nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo. nếu thở khó hay không thoải mái kéo dài.

- Nếu dính vào da: rửa ngay với nhiều nước ít nhất khoảng 15 – 20 phút (dưới vòi nước chảy) đồng thời cởi bỏ quần áo, giày bị nhiễm hóa chất ra. Gọi bác sĩ.

- Khi bị nhiễm axit có thể trung hòa lượng còn dính lại trên da bằng dung dịch sodium bicarbonate 2%. Khi bị nhiễm kiềm (bazơ) có thể trung hòa lượng còn lại bằng dung dịch acid acetic 2%.

- Nếu nuốt phải: súc miệng và cổ họng, nếu không nôn mửa, cho uống thật nhiều nước hoặc sữa. đối với người bị bất tỉnh, không cho bất kỳ thức uống nào vào miệng. không gây nôn trừ một số trường hợp được hướng dẫn riêng.

Gọi ngay bác sỹ hay đưa đến cơ ở gần nhất.

❖ **Trường hợp sự cố hóa chất gây ra nổ.**

- Khi sự cố xảy ra phải báo ngay cho lãnh đạo công ty, người phụ trách an toàn và môi trường vị trí xảy ra sự cố, hiện trạng của sự cố và số người bị tác động của hóa chất, số người bị thương do mảnh vỡ của thiết bị sau sự cố.

- Yêu cầu sử dụng các biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi xảy ra sự cố: CO₂, hóa chất khô hoặc bột chịu đựng để xử lý sự cố hóa chất.

❖ **Trường hợp sự cố gây cháy:**

- Triển khai toàn lực các phương tiện chữa cháy tại nhà máy tới nơi xảy ra cháy theo phương án chữa cháy nội bộ. Tùy vào mức độ nghiêm trọng, tiến hành kêu gọi và thông báo ứng cứu từ đội PCCC bên ngoài.

- Yêu cầu sử dụng các biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi xảy ra sự cố: Bình bột CO₂, hóa chất khô hoặc bột chịu đựng để xử lý hóa chất rò rỉ.

- Cô lập đám cháy, ngăn ngừa hiện tượng cháy lan, bảo vệ hiện trường và tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng chữa cháy làm việc. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa sự cố nổ và các sự cố phát sinh do hóa chất.

- Bảo vệ hiện trường sau khi đã khắc phục đám cháy, phục vụ cho công tác thống kê, đánh giá, điều tra, lập biên bản của bộ phận chức năng.

4.5 Các tình huống và biện pháp xử lý khi vận chuyển trên đường

STT	Tình huống cơ bản	Hậu quả	Hành động cần thực hiện	Số điện thoại cần
1	Cản trở giao thông (do hỏng đường, ùn tắc kéo dài....)	Dừng đỗ lâu tại vị trí không an toàn, có thể tiếp xúc các nguồn nhiệt, va chạm.. dẫn đến cháy, rò rỉ	- Chuyển tuyến đường vận chuyển - Cách ly bảo vệ khu vực tiếp xúc - Tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố	- Cơ quan cứu nạn tại nơi xảy ra sự cố - Chuyên gia kỹ thuật
2	Trục trặc hoặc tai nạn phương tiện vận chuyển nhưng không ảnh hưởng đến phương tiện chứa	Dừng đỗ lâu tại vị trí không an toàn, có thể tiếp xúc các nguồn nhiệt, va chạm.. dẫn đến cháy, rò rỉ	- Khắc phục hoặc thay phương tiện vận chuyển - Thay người điều khiển phương tiện vận chuyển nếu có thương vong do tai nạn. - Tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố	- Cơ quan cứu nạn, trung tâm cứu hộ giao thông nơi xảy ra sự cố - Chuyên gia kỹ thuật

3	Trục trặc hoặc tai nạn phương tiện vận chuyển có hư hỏng phương tiện chứa	Rò rỉ, tràn đổ thoát ra các chất độc hại hoặc dễ cháy, nổ... gây thiệt hại về người, tài sản xung quanh	- Khắc phục hư hỏng nhỏ nếu đã có phương án, công cụ dự kiến cho các trường hợp này (bịt chỗ rò, khóa van...) - Cách ly khu vực nguy hiểm theo chỉ dẫn (bán kính cách ly tùy theo đặc tính hàng vận chuyển) - Gọi trợ giúp - Bảo vệ, ngăn chặn người xâm nhập khu vực cách ly chờ trợ giúp của lực lượng cứu hộ... Sơ tán người trong khu vực nguy hiểm. - Các biện pháp thu gom, tẩy sạch - Tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố.	- Cơ quan cứu nạn, trung tâm cứu hộ giao thông, Trung tâm cấp cứu y tế tại nơi xảy ra sự cố. - Chuyên gia kỹ thuật
4	Cháy phương tiện vận chuyển	Hỏng phương tiện chứa hoặc nổ phương tiện chứa nếu hàng vận chuyển có khả năng tăng áp suất do nhiệt, phát thải khí độc...gây thiệt hại về người, tài sản	- Dập cháy bằng phương tiện kèm theo xe nếu đám cháy nhỏ. - Cách ly khu vực nguy hiểm theo chỉ dẫn (bán kính cách ly tùy theo đặc tính hàng vận chuyển) - Gọi trợ giúp - Bảo vệ, ngăn chặn người xâm nhập khu vực cách ly, chờ trợ giúp của lực lượng cứu hộ...sơ tán người trong khu vực nguy hiểm. - Các biện pháp thu gom, tẩy sạch - Tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin cho công tác điều tra sự cố.	- Cơ quan cứu nạn - Trung tâm cứu hộ giao thông - Chuyên gia kỹ thuật

PHẦN IV
KIỂM TRA KẾT THÚC KHÓA HUẤN LUYỆN

*** Mục đích:**

1. Kiểm tra học viên về các kiến thức đã được học trong nội dung huấn luyện.
2. Đánh giá học viên về sự thấu hiểu những nội dung đã được học trong khóa huấn luyện.
3. Là căn cứ cho việc cấp chứng nhận, quyết định sau khi huấn luyện an toàn hóa chất.

*** Nội dung:**

1. Thời gian kiểm tra là 2 giờ.
2. Nội dung kiểm tra xoay quanh các nội dung sau:

I	Những quy định của pháp luật trong hoạt động hóa chất
II	Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng hóa chất của cơ sở hoạt động hóa chất
III	Phương án phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở để ứng phó, khắc phục sự cố